



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

3

Tháng 2 - 2011

BỘ XÂY DỰNG GẶP MẶT CÁN BỘ HƯU TRÍ CHÚC TẾT TÂN MÃO - 2011

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2011



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chúc Tết Tân Mão cán bộ hưu trí ngành Xây dựng



Toàn cảnh buổi gặp mặt

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

3

SỐ 3 - 2/2011



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 05/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 5
- Quyết định số 06/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 7
- Quyết định số 07/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 9
- Quyết định số 148/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 11
- Thông tư số 01/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị 12
- Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, Hợp đồng BTO và Hợp đồng BT 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 16
- Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội 17

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
 - + Điều tra khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn thải, tải lượng chất thải và hiện trạng sử dụng năng lượng tại một số cơ sở sản xuất gạch ngói, gốm sứ trong ngành - Mã số MT 08-08 20
- Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 1/2011 21
- Hoạt động xử lý rác thải ở Vương quốc Anh 24
- Thành phố Thiên Tân nỗ lực xử lý môi trường nước, xây dựng môi trường sinh thái phù hợp 25
- Tỉnh Cam Túc thực hiện chiến lược mô hình đô thị hoá mới, thúc đẩy đô thị và nông thôn phát triển hài hòa 29
- Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet 34

Thông tin

- Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát động Tết trồng cây Xuân Tân Mão tại Khu đô thị mới Việt Hưng 35
- Hội nghị tổng kết 5 năm “Phong trào thi đua liên kết xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La” và phát động thi đua giai đoạn 2011-2012 36
- Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phát động thi đua hoàn thành các hạng mục đúng tiến độ trên công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I 38
- Hội nghị tổng kết năm 2010, triển khai nhiệm vụ 2011 của Tổng Công ty Cổ phần VINACONEX 39
- Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ năm 2011 41
- VIGLACERA TOWER – Tòa nhà xanh thông minh 42
- Thành phố Kiev sẽ có Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới 44
- Chính sách hỗ trợ nông dân bị mất đất - giải pháp giúp người nông dân thoát khỏi đói nghèo 46



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 05/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Ngày 24/01/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 05/2011/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Mục tiêu đến năm 2020 là đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, đảm bảo an toàn, tiện lợi, kiểm chế tiến tới giảm tai nạn giao thông và hạn chế ô nhiễm môi trường trên cơ sở tổ chức vận tải hợp lý và phát triển mạnh vận tải công cộng ở các đô thị, vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics. Khối lượng vận tải toàn vùng sẽ đạt khoảng 450 – 500 triệu tấn hàng hóa và 700-800 triệu hành khách/năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân 9-10 %/năm, trong đó lượng hàng hóa thông qua các cảng biển trong vùng là 115-160 triệu tấn/năm, lượng hành khách thông qua các cảng hàng không trong vùng là 25 triệu hành khách/năm. Vận tải hành khách công cộng đô thị Hà Nội đạt 35%, Hải Phòng và các đô thị tương đương khác đạt 15-20%.

Mục tiêu về kết cấu hạ tầng là đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống quốc lộ hiện có, đẩy nhanh tốc độ xây dựng mạng lưới đường bộ cao tốc, phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành khoảng 500 km đường bộ cao tốc, đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường tỉnh và mở mới một số tuyến cần thiết. Tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, 80% đường nông thôn được cứng hóa mặt đường. Hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng lưới đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, kết nối đường sắt với các cảng

biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm dịch vụ lớn, nhanh chóng phát triển các tuyến vận tải bánh sắt khối lượng lớn tại các đô thị, đặc biệt là Hà Nội. Từng bước nâng cấp, mở rộng hệ thống cảng biển đáp ứng lượng hàng hóa thông qua trong từng thời kỳ, tập trung xây dựng một số bến cảng nước sâu đạt tiêu chuẩn quốc tế tại Lạch Huyện, Cái Lân. Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không hiện có đáp ứng nhu cầu trong từng thời kỳ, đồng thời từng bước xây dựng các cảng hàng không mới theo quy hoạch. Đối với giao thông đô thị Thủ đô Hà Nội, cải tạo, nâng cấp và mở rộng kết hợp tăng cường công tác quản lý bảo trì để sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng giao thông đô thị hiện có, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm gồm các trục chính đô thị, các trục hướng tâm, các tuyến vành đai, các tuyến vận tải bánh sắt khối lượng lớn, hệ thống giao thông tĩnh theo quy hoạch Thủ đô Hà Nội mở rộng để giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân. Đối với giao thông đô thị thành phố Hải Phòng và các thành phố, thị xã khác, hoàn chỉnh quy hoạch, từng bước phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đô thị và vận tải hành khách công cộng.

Định hướng phát triển đến năm 2030 thỏa mãn được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải của xã hội với chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý và cạnh tranh, nhanh chóng, an toàn, kết nối thuận lợi giữa các phương thức vận tải, giữa các tỉnh, thành phố trong vùng, với cả nước và quốc tế. Đồng thời

về cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông, tiếp tục phát triển các công trình kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch.

Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng, chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia và các địa phương có liên quan. Đồng thời phát triển giao thông vận tải với bước đột phá mạnh mẽ sẽ tạo tiền đề đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội vùng, đáp ứng yêu cầu là vùng đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập quốc tế, củng cố an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Phát triển mạnh mẽ giao thông đô thị, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội, liên kết chặt chẽ hệ thống giao thông vận tải quốc gia với hệ thống giao thông vận tải địa phương, chú trọng phát triển giao thông địa phương, nhất là giao thông nông thôn. Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải dưới nhiều hình thức. Dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và tăng cường công tác đảm bảo hành lang an toàn giao thông.

Theo Quyết định này, các giải pháp, chính sách được áp dụng để phát triển vận tải gồm có: Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải, đổi mới phương tiện, công nghệ, trang thiết bị dịch vụ vận tải, ưu tiên phát triển vận tải container, đa phương thức và dịch vụ logistics để điều tiết hợp lý giữa các phương thức vận tải; Có chính sách hỗ trợ, ưu tiên phát triển vận tải hành khách công cộng đô thị, đặc biệt là vận tải khối lượng lớn, đồng thời kiểm soát sự phát triển phương tiện cá nhân; Tổ chức hợp lý các đầu mối vận tải, đặc biệt tại khu vực Hà Nội, giảm thiểu lượng xe trung chuyển phải đi vào trung tâm thành phố, gây ách tắc giao thông.

Đối với việc phát triển kết cấu hạ tầng giao thông thì giải pháp và chính sách áp dụng là đến năm 2015 tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông để tăng khả năng liên kết vùng, liên kết giữa các phương thức vận tải và giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông. Huy động tối đa mọi nguồn lực, chú trọng nguồn nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, từ nhiều thành phần kinh tế, dưới nhiều hình thức để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Tăng cường công tác quản lý bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, dành phần vốn thích đáng cho công tác quản lý bảo trì, sớm hình thành quỹ bảo trì đường bộ.

Đối với việc đảm bảo an toàn giao thông, giải pháp, chính sách là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kết hợp với tăng cường cưỡng chế việc thi hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông; Tổ chức thẩm định an toàn giao thông đối với tất cả các công trình nâng cấp và xây dựng mới, tăng cường áp dụng các công nghệ giao thông thông minh để hỗ trợ và kiểm soát giao thông; Nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý người điều khiển phương tiện vận tải, chất lượng kiểm định phương tiện cơ giới.

Đối với việc bảo vệ môi trường, giải pháp và chính sách được đưa ra là quản lý chặt chẽ việc thực hiện đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển giao thông vận tải, đặc biệt là các dự án đường cao tốc, cảng biển đi qua các khu vực bảo tồn, thực hiện tốt công tác giám sát quản lý môi trường, tăng cường kiểm tra thường xuyên bảo vệ môi trường đối với các đơn vị xây dựng, sản xuất, kinh doanh giao thông vận tải; Kiểm soát chất lượng phương tiện và nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khuyến khích sử dụng phương tiện và nhiên liệu sạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/3/2011.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 06/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Ngày 24/01/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/2011/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Về quan điểm phát triển, theo Quyết định này, Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng, chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia và của các địa phương có liên quan; Tập trung phát triển giao thông vận tải với bước đột phá mạnh mẽ tạo tiền đề đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu là vùng đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập quốc tế, củng cố an ninh quốc phòng và phát triển bền vững. Phát triển giao thông vận tải trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của vùng là vị trí trung tâm và cửa ngõ chiến lược về đường biển và đường hàng không, đảm bảo sự liên kết giữa các phương thức vận tải, liên kết các vùng trong cả nước và giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh trong vùng; Chú trọng công tác bảo trì nhằm khai thác triệt để kết cấu hạ tầng hiện có; Phát triển vận tải có chất lượng cao, giá cả hợp lý; Tập trung giải quyết ùn tắc tại các đô thị, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, chú trọng phát triển giao thông địa phương nhất là giao thông nông thôn và nơi điều kiện còn khó khăn; Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải dưới nhiều hình thức. Dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, tăng cường công tác đảm bảo

hành lang an toàn giao thông, kiểm chế tiến tới giảm thiểu tai nạn giao thông, chủ động ứng phó có hiệu quả đối với biến đổi khí hậu.

Mục tiêu phát triển đến năm 2020 được đưa ra là đáp ứng nhu cầu vận tải với chất lượng ngày càng cao, giá cả hợp lý, đảm bảo an toàn, tiện lợi, phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistic, ưu tiên phát triển vận tải hành khách công cộng bánh sắt và xe buýt tại các đô thị, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, kiểm chế tiến tới giảm sự gia tăng tai nạn giao thông và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong khai thác vận tải. Khối lượng vận tải hành khách đạt khoảng 1.300-1.400 triệu lượt khách/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân 8-9%/năm, trong đó khối lượng hành khách qua cảng hàng không đạt khoảng 25 triệu người. Lượng hàng hóa đạt khoảng 500-550 triệu tấn/năm, tốc độ tăng bình quân 7-8%/năm, trong đó lượng hàng hóa thông qua cảng biển đạt 265-305 triệu tấn (container từ 12-17,9 triệu TEU).

Về kết cấu hạ tầng giao thông: đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống quốc lộ hiện có, đẩy nhanh xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc, phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành khoảng 580 km đường cao tốc, đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường tỉnh và mở mới một số tuyến cần thiết, tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, 80% đường giao thông nông thôn được cứng hóa mặt. Hoàn thành nâng cấp, cải tạo tuyến đường sắt Bắc - Nam và khu đầu mối thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng đường sắt kết nối với các cảng biển, khu kinh tế lớn, mở mới các tuyến đường sắt kết nối nội vùng và đồng bằng sông Cửu Long, nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến

đường sắt cao tốc Bắc - Nam vào thời điểm thích hợp. Cải tạo, nâng cấp và hoàn thành đưa vào cấp kỹ thuật các luồng tuyến vận tải thủy nội địa, nâng cấp và đầu tư có chiều sâu các cảng sông. Nâng cấp các cảng hàng không hiện có để đáp ứng nhu cầu trong từng thời kỳ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm để giải quyết ùn tắc và phát triển đô thị. Đối với Tp. Hồ Chí Minh, chú trọng phát triển hạ tầng giao thông phục vụ vận tải hành khách khối lượng lớn, các tuyến vành đai, đường trên cao và hệ thống giao thông tĩnh theo quy hoạch.

Định hướng phát triển đến năm 2030 thỏa mãn được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải của xã hội với chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý và cạnh tranh, nhanh chóng, an toàn, kết nối thuận lợi giữa các phương thức vận tải, giữa các tỉnh, thành phố trong vùng, với cả nước và quốc tế. Đồng thời về cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông, tiếp tục phát triển các công trình kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch.

Theo Quyết định này các giải pháp, chính sách được áp dụng để phát triển vận tải gồm: Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh dịch vụ vận tải; Tổ chức vận tải hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, ưu tiên phát triển vận tải container, vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics để điều tiết hợp lý giữa các phương thức vận tải, tổ chức các đầu mối vận tải, đặc biệt tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, giảm thiểu lượng xe trung chuyển đi vào trung tâm thành phố gây ùn tắc giao thông; Ưu tiên phát triển vận tải hành khách đô thị, đặc biệt là vận tải khối lượng lớn, đồng thời kiểm soát sự phát triển phương tiện cá nhân; Đổi mới phương tiện, công nghệ, trang thiết bị dịch vụ vận tải sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng, an toàn và bảo vệ môi trường.

Giải pháp và chính sách phát triển kết cấu hạ tầng giao thông bao gồm cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; Huy động tối đa mọi nguồn lực, chú trọng nguồn nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, từ nhiều thành phần kinh tế, dưới nhiều hình thức như ngân sách nhà nước (bao gồm cả ODA), phát hành trái phiếu, xây dựng – khai thác – chuyển giao (BOT), hợp tác công tư (PPP), chuyển nhượng quyền kinh doanh khai thác, khai thác quỹ đất và các dịch vụ liên quan để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; Ứng dụng các công nghệ mới tiên tiến và vật liệu mới trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.; Đến năm 2015 tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông tăng khả năng liên kết vùng, liên kết giữa các phương thức vận tải và giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông.

Giải pháp đảm bảo an toàn giao thông bao gồm: triển khai tích cực, đồng bộ các giải pháp giảm thiểu tai nạn giao thông, nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành luật, đồng thời xử lý nghiêm các vi phạm luật giao thông; Tổ chức thẩm định an toàn giao thông đối với tất cả các công trình nâng cấp và xây dựng mới, tăng cường áp dụng các công nghệ hỗ trợ và kiểm soát giao thông tiên tiến; Nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý người điều khiển phương tiện vận tải, chất lượng kiểm định phương tiện cơ giới.

Đối với công tác bảo vệ môi trường các giải pháp, chính sách áp dụng gồm: Quản lý chặt chẽ các dự án phát triển giao thông vận tải từ giai đoạn quy hoạch phải đồng bộ với quy hoạch các vùng sinh thái, các khu bảo tồn thiên nhiên. Nếu có các vấn đề về môi trường, cần đánh giá quyết định nên hay không nên xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và nếu xây dựng phải xác định các biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên cũng như môi trường xã hội, hạn chế gây thiệt hại đến hệ sinh thái và môi trường sống ở mức thấp nhất; Sử dụng các kỹ

thuật và công nghệ tiên tiến trong việc thi công các công trình giao thông, trồng cây xanh ven đường để chống bụi và giảm tiếng ồn; Kiểm soát chất lượng phương tiện và nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khuyến khích sử dụng phương tiện và nhiên liệu sạch; Chủ động

ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu tác động đến kết cấu hạ tầng giao thông vận tải.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/3/2011.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 07/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Ngày 25/01/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 07/2011/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Theo đó, công tác quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm miền Trung phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia, định hướng phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và của các địa phương có liên quan, phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của vùng là cầu nối giao lưu kinh tế Bắc - Nam, là cửa ngõ thông ra biển của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Tập trung đầu tư các công trình giao thông trọng điểm có tính đột phá, đóng vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng như hệ thống cảng biển, cảng hàng không, đường bộ cao tốc, coi trọng công tác bảo trì, đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có. Ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, đặc biệt là vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics để nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ giá thành nhằm tăng năng lực cạnh tranh, kiểm chế tiến tới giảm mạnh tai nạn giao thông và giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình khai thác vận tải. Phát triển bền vững mạng lưới giao thông vùng đảm bảo gắn kết với quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn, giữa đồng bằng

và miền núi. Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và kinh doanh vận tải.

Mục tiêu đến năm 2020 đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, đảm bảo an toàn, tiện lợi, kiểm chế tiến tới giảm tai nạn giao thông và hạn chế ô nhiễm môi trường trên cơ sở tổ chức vận tải hợp lý, phát triển vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics cụ thể nhu cầu toàn vùng đến năm 2020 là 101 triệu tấn hàng hóa và 185 triệu lượt hành khách với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2010 - 2020 là 8,5% - 9,5%/năm đối với hàng hóa và 7,5%-8,5%/năm đối với hành khách. Từng bước phát triển vận tải công cộng ở các đô thị.

Đối với kết cấu hạ tầng giao thông mục tiêu đưa ra là hoàn thành tuyến cao tốc Huế - Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Bình Định, tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, 70% đường nông thôn được cứng hóa mặt đường, xây dựng đường ven biển theo quy hoạch; Từng bước nâng cấp mở rộng hệ thống cảng biển đáp ứng nhu cầu, tổng công suất đến năm 2020 đạt 40-50 triệu tấn/năm; Từng bước nâng cấp mở rộng hệ thống cảng hàng không đáp ứng nhu cầu, hoàn thành cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng công suất 4 triệu hành khách/năm vào năm

2011. Tổng công suất các cảng hàng không của vùng đến năm 2020 là 20-25 triệu hành khách/năm và 3 triệu tấn hàng hóa/năm.

Định hướng phát triển đến năm 2030 thỏa mãn được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải của xã hội với chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý và cạnh tranh, nhanh chóng, an toàn, kết nối thuận lợi giữa các phương thức vận tải, giữa các tỉnh, thành phố trong vùng, với cả nước và quốc tế. Đồng thời về cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông, tiếp tục phát triển các công trình kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch.

Các giải pháp, chính sách áp dụng cho phát triển vận tải gồm: Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và hiện đại hóa các phương tiện vận tải đường bộ đảm bảo tiện nghi, an toàn và bảo vệ môi trường, nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật đường bộ phù hợp với tiêu chuẩn đường bộ của các nước ASEAN để đảm bảo sự kết nối và hội nhập quốc tế; Sửa đổi luật lệ, thể chế phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện vận tải cơ giới đường bộ của các nước trong khu vực đặc biệt là Thái Lan đi lại trên lãnh thổ Việt Nam; Phát triển vận tải đường sắt để giảm áp lực cho vận tải đường bộ, đặc biệt là vận tải liên vùng, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đường sắt, đặc biệt là tàu nội vùng; Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh vận tải biển và các dịch vụ hàng hải, đổi mới công nghệ xếp dỡ tại các đầu mối vận tải, áp dụng các công nghệ vận tải tiên tiến, đặc biệt là vận tải đa phương thức; Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đường không trên cơ sở tăng tần suất chuyến bay và bố trí giờ bay thích hợp, kết nối giữ các chuyến bay trung chuyển một cách hợp lý, nhanh chóng và tiện lợi.

Đối với việc phát triển kết cấu hạ tầng giao thông các giải pháp, chính sách áp dụng gồm khai thác hết năng lực, hiệu quả các công trình giao thông trên địa bàn, việc xây dựng nâng cấp các công trình giao thông phải tuân thủ quy

hoạch chuyên ngành, quy hoạch vùng, tránh cục bộ địa phương gây lãng phí đầu tư; Ưu tiên phát triển những công trình có tính chất đột phá, tạo ra liên kết vùng; Phát huy nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để xây dựng, nâng cấp kết cấu giao thông vận tải dưới nhiều hình thức BOT, BT, PPP ...; Tiếp tục tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của các nước, các tổ chức tài chính quốc tế (ODA) với các hình thức đa dạng; Cho phép các tỉnh, thành phố đấu giá quyền sử dụng đất để có vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn.

Giải pháp, chính sách để đảm bảo an toàn giao thông là hoàn thiện hệ thống pháp luật, kiện toàn tổ chức quản lý an toàn giao thông từ trung ương đến địa phương hướng tới đảm bảo trật tự an toàn giao thông một cách bền vững. Cần phân cấp mạnh mẽ cho các địa phương về công tác quản lý, công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông; Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kết hợp với tăng cường công tác cưỡng chế thi hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông; Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn để giảm thiểu thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra.

Giải pháp, chính sách về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải gồm hoàn thiện các tiêu chuẩn, văn bản hướng dẫn, các quy định bảo vệ môi trường trong lĩnh vực giao thông vận tải; Nâng cao chất lượng giám sát và quản lý bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải; Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các dự án xây dựng công trình và các cơ sở công nghiệp giao thông vận tải nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/03/2011.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 148/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 25/01/2011 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 148/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo Quyết định này, phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thủ đô Hà Nội với tổng diện tích 3.344,47 km² và dân số gần 6,23 triệu người (thống kê năm 2008) và tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và Hưng Yên đối với chất thải rắn công nghiệp.

Theo Quyết định này, công tác quy hoạch phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan. Nhiệm vụ Quy hoạch cũng cần chú ý đến việc phù hợp với các điều kiện địa hình, điều kiện địa chất, thủy văn và khả năng khai thác quỹ đất. Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội nhằm phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp, đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn của thành phố theo từng giai đoạn. Sử dụng các công nghệ tiên tiến, hạn chế chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất, kinh phí xây dựng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

Quyết định đưa ra mục tiêu của quy hoạch là cụ thể hóa định hướng phát triển xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm

nhìn đến năm 2050; Đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hà Nội; Làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống thu gom, vận chuyển, các điểm tập kết, các trạm trung chuyển, các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung nghiên cứu quy hoạch gồm: Đánh giá tổng quan hiện trạng, dự báo phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên của thành phố Hà Nội; Điều tra, khảo sát và đánh giá hiện trạng các nguồn phát thải, tổng lượng phát thải, thành phần các loại chất thải rắn, hiện trạng thu gom, vận chuyển, hiện trạng về vị trí, quy mô, công nghệ xử lý, tình hình hoạt động và các tác động đến môi trường của các khu liên hợp, cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đánh giá khả năng phân loại tại nguồn và khả năng tái chế, tái sử dụng chất thải rắn; Rà soát, đánh giá các quy hoạch, dự án về xử lý chất thải rắn đã và đang triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội; Xác định các chương trình, dự án, nguồn vốn và phân kỳ đầu tư để thực hiện quy hoạch; Đề xuất các quy định quản lý hệ thống xử lý chất thải rắn; Đánh giá môi trường chiến lược.

Thời gian lập quy hoạch là 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Thông tư số 01/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

Ngày 27/1/2011 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 01/2011/TT-BXD hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Thông tư này hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) trong các đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, bao gồm đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật (quy hoạch xây dựng). Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

Đánh giá môi trường chiến lược trong các đồ án quy hoạch là một nội dung của đồ án quy hoạch xây dựng, được thực hiện đồng thời trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng. Các phân tích, đánh giá và dự báo trong ĐMC tập trung vào các vấn đề môi trường chính, các tác động tích lũy tiềm tàng nhằm đề xuất các phương án, giải pháp giảm thiểu, khắc phục các tác động tiêu cực đến môi trường khi thực hiện quy hoạch xây dựng. Các phương pháp được sử dụng trong ĐMC phải có cơ sở khoa học rõ ràng, phải dựa vào các nguồn thông tin, dữ liệu đầu vào cụ thể. Các phân tích, dự báo phải dựa trên nguồn số liệu và phương pháp dự báo cụ thể, lượng hóa tối đa các tác động và chỉ rõ độ tin cậy của dự báo. Đối với mỗi loại quy hoạch xây dựng trên một vùng lãnh thổ, nội dung của ĐMC không được mâu thuẫn, trùng lặp với các nội dung được nêu trong thuyết minh đồ án quy hoạch xây dựng ở cấp cao hơn đã bao trùm trên nó. Trong trường hợp kế thừa kết quả của các ĐMC cấp cao hơn, cần tóm tắt và trích dẫn nguồn tài liệu. Việc thẩm định nội dung của

ĐMC được tiến hành đồng thời với việc thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng. Hội đồng thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng phải bao gồm các chuyên gia có chuyên môn về ĐMC cho đồ án quy hoạch xây dựng.

Thông tư này quy định các cá nhân chủ trì thực hiện ĐMC hoặc thẩm định báo cáo ĐMC cho đồ án quy hoạch xây dựng phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành quy hoạch xây dựng hoặc hạ tầng kỹ thuật và có ít nhất 5 năm hoạt động trong lĩnh vực quy hoạch, bảo vệ môi trường, hoặc chuyên ngành môi trường và có ít nhất 5 năm hoạt động trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng. Các cá nhân thực hiện ĐMC phải phối hợp với các chuyên gia quy hoạch xây dựng trong các công việc lập nhiệm vụ, thực hiện nội dung ĐMC và lồng ghép vào đồ án quy hoạch xây dựng, chịu trách nhiệm về các kết quả phân tích, tính toán và dự báo các tác động môi trường.

Phương pháp thực hiện ĐMC trong đồ án quy hoạch xây dựng bao gồm các bước: Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, xác định phạm vi cho công tác ĐMC; Xác định các mục tiêu và vấn đề môi trường chính liên quan đến quy hoạch xây dựng; Phân tích hiện trạng và diễn biến môi trường khi chưa lập quy hoạch xây dựng; Phân tích diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch xây dựng; Đề xuất các giải pháp tổng thể nhằm giảm thiểu và khắc phục tác động môi trường; Lập báo cáo ĐMC trong thuyết minh đồ án quy hoạch xây dựng;

Xác định phạm vi ĐMC nhằm đảm bảo quá trình ĐMC tập trung vào những vấn đề quan trọng nhất và cung cấp được bức tranh toàn diện về môi trường. Xác định phạm vi ĐMC bao gồm: Xác định không gian và thời gian ĐMC; Thu thập các số liệu cơ bản cần điều tra; Xác

định các chuyên gia lĩnh vực và nội dung cần ĐMC; Xác định nội dung và lập kế hoạch tham vấn các bên có liên quan

Theo Thông tư này, nội dung ĐMC trong quy hoạch xây dựng vùng phải bao gồm: Các vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn như sử dụng tài nguyên (đất đai, nguồn nước, khoáng sản, rừng, cảnh quan...); áp lực phân bố dân cư, phân bố các hoạt động kinh tế trên lãnh thổ (công nghiệp, nông nghiệp, du lịch...); môi trường lưu vực sông; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đói nghèo, suy thoái môi trường, thiên tai, lũ lụt. Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn (vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng khai thác khoáng sản...), các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng bảo tồn sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường của quy hoạch ở quy mô vùng (cấp nước vùng, giao thông vùng, xử lý chất thải liên đô thị, bảo vệ môi trường lưu vực sông...); Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch; Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...).

Nội dung ĐMC trong quy hoạch chung bao gồm: Xác định các vấn đề môi trường chính, bức xúc trong và ngoài đô thị như lựa chọn đất xây dựng trong mối liên hệ với phòng tránh thiên tai và giảm thiểu úng ngập, lũ lụt; môi trường giao thông, xây dựng và mỹ quan; tình trạng ô nhiễm không khí, tiếng ồn; ô nhiễm sông hồ và nước ngầm; áp lực về quản lý chất thải rắn; nước thải, thoát nước; bảo vệ di sản,

các hệ sinh thái...; Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm có ảnh hưởng trực tiếp (các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, khu xử lý chất thải...); các khu vực ô nhiễm; mức độ, hậu quả ô nhiễm môi trường. Đánh giá hệ sinh thái, môi trường làng nghề, môi trường các vùng ven đô; Dự báo tác động và diễn biến môi trường do hoạt động từ các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, trung tâm thương mại dịch vụ, bệnh viện, giao thông, xử lý chất thải trên cơ sở định hướng phát triển không gian, cấu trúc đô thị, lựa chọn đất xây dựng, mật độ dân số và phân vùng chức năng; Tổng hợp, đề xuất, xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (các không gian xanh, hành lang bảo vệ sông hồ, các khu vực hạn chế phát triển...).

Nội dung ĐMC trong quy hoạch chi tiết gồm: chất lượng không khí, giao thông và tiếng ồn, đất, nước, cây xanh, nước ngầm, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; Đánh giá và dự báo tác động tới môi trường khu vực của các phương án quy hoạch; Tổng hợp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch; Đề xuất danh mục các dự án đầu tư xây dựng cần thực hiện đánh giá tác động môi trường.

ĐMC của đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được thực hiện đối với các đồ án quy hoạch chuyên ngành giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp điện và chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, thông tin liên lạc.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2011 và thay thế Thông tư số 10/2000/TT-BXD ngày 08/08/2000 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các đồ án quy hoạch xây dựng.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, Hợp đồng BTO và Hợp đồng BT

Ngày 27/01/2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, Hợp đồng BTO và Hợp đồng BT.

Theo Thông tư này, đối với các hình thức Hợp đồng dự án tương tự khác (khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP), các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản đề nghị thực hiện Hợp đồng dự án tương tự khác gồm những nội dung quy định đối với Đề xuất dự án nêu tại Điều 11 và Điều 12 của Nghị định 108/2009/NĐ-CP. Căn cứ đề nghị đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung Dự án vào Danh mục dự án và tổ chức thực hiện Dự án theo quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP và Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Hướng dẫn khoản 7, khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Thông tư này quy định, Nhà đầu tư phải thành lập mới Doanh nghiệp dự án. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp dự án và Nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Hợp đồng dự án phù hợp với khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng dự án theo ủy quyền. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan được ủy quyền trong việc chuẩn bị dự án, đàm phán và ký kết Hợp đồng dự án.

Đối với các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng không thuộc lĩnh vực quy định tại Điều 4 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan và gửi văn bản đề nghị thực hiện dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Về cơ chế thực hiện dự án BT, có các hình thức: nếu giao đất cho Nhà đầu tư để thực hiện Dự án khác thì Nhà đầu tư được lựa chọn phải nộp ngân sách số tiền chênh lệch giữa giá trị quyền sử dụng đất của khu đất thực hiện dự án khác và tổng vốn đầu tư xây dựng công trình BT; Thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư xây dựng công trình BT; thu xếp quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn vốn thanh toán cho Nhà đầu tư xây dựng công trình BT.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án, kể cả Dự án do Nhà đầu tư đề xuất đã được phê duyệt bổ sung vào Danh mục dự án, để làm cơ sở tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư và đàm phán Hợp đồng dự án. Tùy thuộc yêu cầu thực hiện Dự án, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức lập hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn đủ năng lực và kinh nghiệm để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu.

Đối với Dự án BT, đồng thời với việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án xây dựng công trình BT, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuẩn bị Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2000 của khu đất dự kiến giao cho Nhà đầu tư thực hiện dự án khác hoặc lập phương án thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư.

Đối với Dự án quan trọng quốc gia, Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thuộc các nhóm A, B và C. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Chi phí tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư hoặc chi phí lập Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu, chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu hoặc Hồ sơ đề xuất, chi phí thẩm định và chi phí khác trong quá trình tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư được sử dụng từ nguồn bán Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp nguồn thu từ việc bán Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu không đủ để tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư, Bên mời thầu báo cáo Người có thẩm quyền để bổ sung từ ngân sách của Bộ, ngành, địa phương. Bên mời thầu chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán chi phí tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Giá bán một bộ hồ sơ do Bên mời thầu quyết định tùy thuộc tính chất, quy mô của Dự án nhưng không quá 50.000.000 đồng đối với đấu thầu rộng rãi trong nước hoặc chỉ định Nhà đầu tư, và không quá 100.000.000 đối với đấu thầu rộng rãi quốc tế.

Đấu thầu rộng rãi trong nước được áp dụng đối với tất cả các Dự án có từ 02 Nhà đầu tư trong nước trở lên đăng ký tham gia. Đấu thầu rộng rãi quốc tế được áp dụng đối với các Dự án không có nhà đầu tư trong nước đăng ký tham gia hoặc đã được tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước nhưng không lựa chọn được Nhà đầu tư.

Việc chỉ định Nhà đầu tư thực hiện Dự án để đáp ứng nhu cầu cấp bách về việc sử dụng công trình kết cấu hạ tầng phải đáp ứng một trong các điều kiện: Dự án cần thực hiện sớm để đảm bảo an ninh, an toàn năng lượng; Dự án

cần thực hiện để phục vụ sự kiện quan trọng của quốc gia; Dự án cần thực hiện để bảo vệ chủ quyền an ninh, biên giới lãnh thổ trên đất liền, biển đảo.

Việc sơ tuyển Nhà đầu tư được thực hiện trong thời gian tối đa 60 ngày đối với đấu thầu rộng rãi trong nước và 75 ngày đối với đấu thầu rộng rãi quốc tế. Việc chuẩn bị Hồ sơ dự sơ tuyển trong thời gian tối thiểu 15 ngày đối với đấu thầu rộng rãi trong nước và 25 ngày đối với đấu thầu rộng rãi quốc tế. Việc chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc Hồ sơ đề xuất được thực hiện trong thời gian tối thiểu 45 ngày đối với đấu thầu rộng rãi trong nước và 60 ngày đối với đấu thầu rộng rãi quốc tế, tính từ ngày phát hành Hồ sơ mời thầu đến thời điểm đóng thầu.

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ dự thầu hoặc Hồ sơ đề xuất được quy định tương ứng trong Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu và được tính từ thời điểm đóng thầu đến ngày Hợp đồng dự án được ký chính thức, nhưng tối đa là 210 ngày.

Đối với Dự án thực hiện hình thức đấu thầu rộng rãi, Nhà đầu tư được lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện: Có Hồ sơ dự thầu hợp lệ; Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm; Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, tài chính.

Tùy thuộc mục tiêu, tính chất và quy mô của Dự án, Bên mời thầu lựa chọn một trong những nguyên tắc sau đây để quy định trong Hồ sơ mời thầu làm cơ sở xét duyệt lựa chọn Nhà đầu tư: Đối với dự án BOT, BTO, Nhà đầu tư phải có đề xuất giá, phí hàng hóa, dịch vụ thấp nhất (trường hợp thời gian kinh doanh và chuyển giao công trình dự án đã được xác định) hoặc thời gian kinh doanh, chuyển giao công trình ngắn nhất (trường hợp giá, phí hàng hóa, dịch vụ đã được xác định). Trường hợp thời gian kinh doanh, chuyển giao công trình dự án và giá, phí hàng hóa, dịch vụ chưa được xác định, Bên mời thầu xác định công thức đưa về cùng mặt bằng để lựa chọn Nhà đầu tư. Đối với dự án BT, trường hợp thanh toán bằng tiền: tổng vốn đầu

tư xây dựng công trình BT do Nhà đầu tư đề xuất được đánh giá là thấp nhất trên cơ sở cùng một mặt bằng về điều kiện thanh toán; trường hợp giao cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án khác: việc lựa chọn Nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở đánh giá đồng thời đề xuất của Nhà đầu tư về tổng vốn đầu tư xây dựng công trình BT và đề xuất giá trị quyền sử dụng đất của khu đất dự kiến thực hiện Dự án khác. Nhà đầu tư được chọn phải đề xuất mức chênh lệch lớn nhất giữa giá trị quyền sử dụng đất của khu đất dự kiến thực hiện Dự án khác với tổng vốn đầu tư xây dựng công trình BT.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2011. Nhà đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo Nghị định số 108/2009/NĐ-CP trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện Dự án theo quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Hợp đồng dự án và Giấy chứng nhận đầu tư.

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 25/1/2011 UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Quy chế này quy định về hình thức, nội dung, nguyên tắc, trách nhiệm trong quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác quản lý VLXD trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên tắc phối hợp trong Quy chế này được quy định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý Nhà nước

Dự án có Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được khuyến khích thực hiện thủ tục lựa chọn Nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư này.

Các Bộ, ngành xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ đề xuất phù hợp với mục tiêu, tính chất, quy mô của Dự án thuộc thẩm quyền quản lý của mình để làm cơ sở cho Bên mời thầu xây dựng tiêu chuẩn đánh giá đối với từng Dự án cụ thể, nhưng phải bao gồm tiêu chuẩn đánh giá chủ yếu quy định tại Thông tư này. Trong thời gian tiêu chuẩn đánh giá Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ đề xuất chưa được ban hành, Bên mời thầu lập Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu theo quy định của Thông tư này.

(Xem toàn văn tại: www.mpi.gov.vn)

để nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện công tác quản lý VLXD trên địa bàn thành phố, bảo đảm tính thống nhất, không chồng chéo trong hoạt động quản lý và không gây phiền hà cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực VLXD; Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan, bảo đảm kết quả phối hợp đạt chất lượng và thời gian yêu cầu; Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Đối với những vấn đề chưa

thống nhất ý kiến, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo và đề xuất hướng giải quyết trình UBND thành phố.

Nội dung công tác phối hợp quản lý VLXD trên địa bàn thành phố gồm: Tổ chức lập, thẩm định các quy hoạch phát triển VLXD của thành phố đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển VLXD quốc gia, quy hoạch phát triển VLXD vùng, quy hoạch phát triển VLXD chủ yếu, với chủ trương không khai thác tài nguyên và sản xuất VLXD (đất, cát, đá, xi măng, gạch, thép, gỗ,...) trên địa bàn thành phố; có kế hoạch, lộ trình di dời các cơ sở sản xuất VLXD nêu trên đang hoạt động đến các địa phương có quy hoạch phù hợp; liên kết với các tỉnh xây dựng vùng nguyên liệu và tổ chức sản xuất VLXD đáp ứng yêu cầu của thành phố, tiến tới hình thành trung tâm giao dịch VLXD cao cấp của cả nước và khu vực Đông Nam Á; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được UBND thành phố phê duyệt; nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước ngành VLXD; Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng đã được phê duyệt trên địa bàn thành phố (nếu có) theo quy định của pháp luật; Hướng dẫn các hoạt động thăm định, đánh giá về: công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng (nếu có); công nghệ sản xuất VLXD; chất

lượng sản phẩm VLXD; Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng (nếu có chủ trương của UBND thành phố); Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng trong phạm vi của thành phố đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD đặc thù, các yêu cầu cụ thể về môi trường phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển kinh tế xã hội của thành phố; Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong các hoạt động: khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất VLXD; Quản lý, hướng dẫn và kiểm tra việc đảm bảo các điều kiện theo quy định đối với hoạt động kinh doanh mặt hàng VLXD kinh doanh có điều kiện; Quản lý, kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa VLXD được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng, tình hình sản xuất VLXD của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố; Tổ chức nghiên cứu, công bố định kỳ giá VLXD.

(Xem toàn văn tại: www.hochiminh.gov.vn)

Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội

Ngày 26/1/2011 UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều lệ này quy định về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội (gọi tắt là Điều lệ Quỹ) được thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ

quy định, bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất.

Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc UBND thành phố HN do UBND thành phố quyết định lập. Quỹ có tư cách pháp nhân, hoạt động hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chỉ hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật. Quỹ thực hiện thu, chi, quyết toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật. Năm tài chính của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào cuối ngày 31/12 dương lịch của năm đó. Không được lợi dụng hoạt động của Quỹ để thu lợi cho các nhân và hoạt động trái với các quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

Theo Quy chế này Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội là tổ chức cao nhất của Quỹ, quyết định chủ trương, phương hướng và các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có 7 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện

theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền có trách nhiệm gửi thông báo mời họp bằng văn bản chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp đến từng Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ không có Thành viên tham gia Hội đồng quản lý thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức, cơ quan tham dự phiên họp. Đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Các Thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, kể cả tiền phụ cấp cho Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội và theo quy định hiện hành của UBND thành phố và Nhà nước.

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn UBND thành phố cấp và các nguồn vốn khác; Mức vốn ngân sách Thành phố cấp cho Quỹ trong giai đoạn 2010 đến 2015 là 5.000 tỷ

đồng, trong đó bố trí kinh phí cấp cho Quỹ ngay khi thành lập (trong năm 2010) là 2.000 tỷ đồng; UBND thành phố quyết định việc thay đổi mức vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động căn cứ vào đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo Luật Ngân sách. Tiếp nhận 50 tỷ đồng của Quỹ Hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm của các hộ dân bị thu hồi trên 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp thành phố Hà Nội. Hàng năm, thành phố trích từ 30 - 50% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố để đảm bảo hình thành đủ mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau: Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất; Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch; Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu; Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư, hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại các quận, huyện, thị xã có đất bị thu hồi.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Điều tra khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn thải, tải lượng chất thải và hiện trạng sử dụng năng lượng tại một số cơ sở sản xuất gạch ngói, gốm sứ trong ngành - Mã số MT 08-08

Ngày 14/1/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu các kết quả nghiên cứu của đề tài "Điều tra khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn thải, tải lượng chất thải và hiện trạng sử dụng năng lượng tại một số cơ sở sản xuất gạch ngói, gốm sứ trong ngành - Mã số MT 08-08" do Viện KHHCN Xây dựng thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHHCN & Môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đã chủ trì Hội nghị.

Thay mặt nhóm thực hiện đề tài, ThS. Nguyễn Sơn Lâm đã báo cáo trước Hội đồng những nội dung chính và các kết quả nghiên cứu của đề tài.

Theo thuyết minh tóm tắt của đề tài, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến cải tiến công nghệ và áp dụng công nghệ xử lý môi trường để giảm thiểu tác động môi trường của các cơ sở sản xuất gạch ngói đất sét nung, gốm sứ ở nước ta, tuy nhiên lại chưa có một nghiên cứu đầy đủ, cụ thể về hiện trạng nguồn thải, nhất là việc đo đạc, đánh giá tải lượng phát thải cũng như hiệu suất xử lý môi trường thực tế của dây chuyền sản xuất và hiện trạng sử dụng năng lượng.

Trong khuôn khổ phạm vi của đề tài, nhóm nghiên cứu tập trung vào việc khảo cứu các tài liệu kỹ thuật trong nước và nước ngoài, điều tra khảo sát hiện trường tại 06 cơ sở sản xuất gạch ngói đất sét nung, gạch ốp lát và sứ vệ sinh về hiện trạng môi trường, nguồn thải, tải lượng phát thải và sử dụng năng lượng đồng thời kết



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

hợp điều tra thông qua phiếu điều tra về công nghệ sản xuất, sử dụng năng lượng tại một số cơ sở sản xuất khác, đề xuất các giải pháp quản lý, công nghệ để giảm thiểu, xử lý ô nhiễm, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Các cơ sở sản xuất nằm trong phạm vi nghiên cứu sử dụng công nghệ lò nung tuynen, bao gồm Công ty CP Viglacera Đông Triều, Viglacera Tiên Sơn, Viglacera Hà Nội, Sứ Viglacera Thanh Trì, Cty CP Tân Xuyên, Viglacera Hạ Long. Nhóm đề tài cũng phối hợp với Vụ KHHCN & MT Bộ Xây dựng thực hiện điều tra 14 cơ sở sản xuất gạch ngói, gốm sứ khác thông qua phương pháp lập phiếu điều tra.

Theo ý kiến các chuyên gia phản biện của hội đồng, công tác khảo sát, đo đạc, đánh giá hiện trạng về công nghệ sản xuất, tiêu thụ năng lượng và tải lượng phát thải tại các cơ sở sản xuất trong phạm vi nghiên cứu đã được nhóm đề tài thực hiện công phu, tỉ mỉ và mô tả khá chi tiết, phương pháp tính toán và đo đạc đáng

tin cậy, với nhiều số liệu về định mức tiêu thụ năng lượng, các thông số môi trường, vi khí hậu, chiếu sáng, tiếng ồn, chất lượng bụi, khí thải tại các công đoạn sản xuất, mẫu nước thải tại điểm xả thải vào môi trường. Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu của đề tài giới hạn ở việc điều tra khảo sát 06 cơ sở sản xuất gạch ngói đất sét nung, gạch ốp lát, sứ vệ sinh sử dụng lò nung tuynen trong ngành Xây dựng là những cơ sở áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến của nước ngoài, chưa khảo sát các cơ sở có công nghệ lạc hậu để từ đó kiến nghị giải pháp về cải tạo, nâng cấp hoặc loại bỏ.

Sau khi nghe các ý kiến phản biện và góp ý của các thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng

- TS. Nguyễn Trung Hòa đã phát biểu Hội đồng đánh giá cao những cố gắng và kết quả nghiên cứu của nhóm đề tài. Nhóm đề tài cần hoàn thiện lại báo cáo theo các ý kiến góp ý của Hội đồng, lược bỏ bớt các nội dung mang tính chất nguyên lý về mô tả công nghệ, quá trình sản xuất, chỉ cần đưa ra sơ đồ dây chuyền công nghệ, nêu rõ trong dây chuyền đó, vị trí nào phát sinh chất thải, tiếng ồn. Các vị trí quan trắc, đo đạc, lấy mẫu cần được sơ đồ hóa.

Hội đồng nhất trí nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Minh Tuấn

Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 1/2011

Trong tháng 1/2011 đã có 28 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận mới, bổ sung các phép thử và cho phép đi vào hoạt động.

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng thí nghiệm VLXD và cơ lý đất thuộc Cty TNHH tư vấn khảo sát và XD Toàn Chính 285 Nguyễn Chí Thanh - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng	LAS-XD 487	QĐ số 03/QĐ-BXD ngày 10/1/2011 có hiệu lực đến: 13/1/2013
2	Bổ sung các phép thử cho Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn TAT Số 68/2 Phùng Hưng - TP. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế	LAS-XD 636	QĐ số 04/QĐ-BXD ngày 10/1/2011 có hiệu lực đến: 9/1/2014
3	Trung tâm thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn và kiểm định Hải Hậu 693/35 Trần Cao Vân - Quận Thanh Khê - TP. Đà Nẵng	LAS-XD 616	QĐ số 05/QĐ-BXD ngày 10/1/2011 có hiệu lực đến: 9/1/2014
4	Bổ sung các phép thử cho Phòng thí nghiệm VLXD và kiểm tra chất lượng công trình thuộc Cty CP đường bộ I Thừa Thiên Huế Khu vực 3 - Khu tái định cư Xóm Hành 1 - P. An Tây - TP. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế	LAS-XD 1055	QĐ số 06/QĐ-BXD ngày 10/1/2011 có hiệu lực đến: 9/1/2014

5	Phòng thí nghiệm VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty TNHH tư vấn XD Phú Mỹ Km 1214+500 Quốc lộ 1A - Thôn Phú Mỹ - Xã Phước Lộc - Huyện Tuy Phước - Bình Định	LAS-XD 603	QĐ số 07/QĐ-BXD ngày 10/1/2011 có hiệu lực đến: 9/1/2014
6	Phòng thí nghiệm cơ tính thuộc C ty TNHH cán thép Việt - Nga Cụm công nghiệp Quất Động - Huyện Thường Tín – TP. Hà Nội	LAS-XD 1056	QĐ số 10/QĐ-BXD ngày 12/01/2011 có hiệu lực đến: 11/1/2014
7	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty TNHH tư vấn khảo sát địa chất và XD Hải Dương Số 22, Đường Thanh Niên - TP. Hải Dương - Tỉnh Hải Dương	LAS-XD 607	QĐ số 14/QĐ-BXD ngày 13/1/2011 có hiệu lực đến: 12/1/2014
8	Phòng thí nghiệm chuyên ngành XD thuộc Cty CP tư vấn XD Toàn Phát Đường Lê Duẩn - Thị trấn Hồ Xá - Huyện Vĩnh Linh - Tỉnh Quảng Trị	LAS-XD 617	QĐ số 15/QĐ-BXD ngày 13/1/2011 có hiệu lực đến: 12/1/2014
9	Phòng thí nghiệm chuyên ngành XD thuộc Cty TNHH tư vấn đầu tư XD Quảng Đức Số 126, Lê Duẩn - Phường Tân Thành - Tp. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk	LAS-XD 608	QĐ số 16/QĐ-BXD ngày 13/1/2011 có hiệu lực đến: 12/1/2014
10	Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật thuộc Cty CP tư vấn XD Vina Mekong Số 57, Đào Duy Anh - Phường 9 - Quận Phú Nhuận - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 625	QĐ số 17/QĐ-BXD ngày 13/1/2011 có hiệu lực đến: 12/1/2014
11	Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty TNHH tư vấn thiết kế Thiên Ý Số 51 Phù Đổng - TP. Pleiku - Tỉnh Gia Lai	LAS-XD 609	QĐ số 18/QĐ-BXD ngày 13/1/2011 có hiệu lực đến: 12/1/2014
12	Trung tâm thí nghiệm và kiểm định XD Khánh Hoà, thuộc Cty CP SDC Số 135 đường Sư Vạn Hạnh - Phường Vĩnh Hải - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hoà	LAS-XD 1059	QĐ số 19/QĐ-BXD ngày 14/1/2011 có hiệu lực đến: 14/1/2014
13	Phòng thí nghiệm và kiểm định XD LAS -XD 575 thuộc Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định công trình LAS-XD 575 – Chi nhánh Cty CP Tư vấn Đầu tư VINCO Ô số 3, lô số 4, cụm công nghiệp Lai Xá - Kim Chung - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội	LAS-XD 575	QĐ số 20/QĐ-BXD ngày 14/1/2011 có hiệu lực đến: 14/1/2014
14	Phòng thí nghiệm Cty CP Tư vấn Đầu tư XD Bảo Tâm, thuộc Cty CP Tư vấn Đầu tư XD Bảo Tâm Số nhà 89A, Tổ 17 - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hà Giang - Tỉnh Hà Giang	LAS-XD 1058	QĐ số 21/QĐ-BXD ngày 14/1/2011 có hiệu lực đến: 14/1/2014

15	Phòng TN địa kỹ thuật và kiểm định công trình, thuộc Cty CP Tư vấn và XD Thành Sen Số 2 Vũ Quang - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh	LAS-XD 1052	QĐ số 22/QĐ-BXD ngày 14/1/2011 có hiệu lực đến: 14/1/2014
16	Phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng XD và môi trường, thuộc Cty CP Tư vấn XD công trình Miền Trung Số 141A - Phường Nguyễn Du - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh	LAS-XD 619	QĐ số 23/QĐ-BXD ngày 14/1/2011 có hiệu lực đến: 14/1/2014
17	Phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng XD và môi trường, thuộc Cty CP Kiểm định và môi trường ECOPARK Khu Thương mại và Du lịch Văn Giang - Xã Xuân Quan - H. Văn Giang - Tỉnh Hưng Yên	LAS-XD 604	QĐ số 24/QĐ-BXD ngày 14/1/2011 có hiệu lực đến: 14/1/2014
18	Bổ sung các phép thử cho Phòng thí nghiệm VLXD và kiểm định chất lượng công trình thuộc Liên hiệp Khoa học công nghệ địa chất - nền móng và kiểm định XD Số 376 đường Tên Lửa, Phường Bình Trị Đông B - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh	LAS-XD 426	QĐ số 26/QĐ-BXD ngày 14/1/2011 có hiệu lực đến: 5/10/2012
19	Phòng thí nghiệm VLXD, thuộc Trung tâm Thí nghiệm và Khảo sát XD Bạch Đằng Số 268 đường Trần Nguyên Hãn - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng	LAS-XD 09	QĐ số 9/QĐ-BXD ngày 17/1/2011 có hiệu lực đến: 26/1/2014
20	Phòng thí nghiệm Kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình XD thuộc Cty TNHH tư vấn XD Hưng Việt Số 287B, Khu phố 4 - Thị trấn Châu Thành - Huyện Châu Thành - Tỉnh Bến Tre	LAS-XD 1049	QĐ số 29/QĐ-BXD ngày 17/1/2011 có hiệu lực đến: 17/1/2014
21	Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Chi nhánh TCty XD thủy lợi 4-CTCP-Cty tư vấn XD Số 205, Nguyễn Xí - Phường 26 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 112	QĐ số 30/QĐ-BXD ngày 17/1/2011 có hiệu lực đến: 17/1/2014
22	Phòng thí nghiệm XD thuộc Trung tâm tư vấn kiểm định địa chất nền móng công trình Số 32/34/35, Nguyễn Cửu Vân - Phường 17 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 281	QĐ số 31/QĐ-BXD ngày 17/1/2011 có hiệu lực đến: 17/1/2014
23	Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty CP xây lắp Thành An 96 Số 88 Nguyễn Chánh - Quận Liên Chiểu - TP. Đà Nẵng	LAS-XD 1051	QĐ số 37/QĐ-BXD ngày 24/1/2011 có hiệu lực đến: 23/1/2014

24	Phòng kiểm định và thí nghiệm chất lượng công trình XD thuộc Cty CP XD và đầu tư Bình Phương Số 150 ngõ 98 đường Võ Thị Sáu - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	LAS-XD 1053	QĐ số 38/QĐ-BXD ngày 24/1/2011 có hiệu lực đến: 23/1/2014
25	Phòng phân tích thí nghiệm địa chất và VLXD thuộc Cty CP BSV Việt Nam K45 Ngõ Thị Nhậm - Phường Hà Cầu - Quận Hà Đông - Hà Nội	LAS-XD 1054	QĐ số 43/QĐ-BXD ngày 25/1/2011 có hiệu lực đến: 24/1/2014
26	Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng XD thuộc Cty CP Tập đoàn To àn Phát Thôn Kiều Đông - Xã Đại Xuyên - Huyện Phú Xuyên - TP. Hà Nội	LAS-XD 1062	QĐ số 49/QĐ-BXD ngày 28/1/2011 có hiệu lực đến: 27/1/2014
27	Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư và XD VCNC Việt Nam Số 183, Ngõ 192, Đường Lê Trọng Tấn - Quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội	LAS-XD 1069	QĐ số 51/QĐ-BXD ngày 28/1/2011 có hiệu lực đến: 28/1/2014
28	Phòng thí nghiệm và kiểm định thuộc Trung tâm kiểm định chất lượng XD công tr ình Số 2, Lô 5, Khu Trại ổi - Quận An Hải - TP. Hải Phòng	LAS-XD 1063	QĐ số 52/QĐ-BXD ngày 28/1/2011 có hiệu lực đến: 28/1/2014

Huyền Phước

Hoạt động xử lý rác thải ở Vương quốc Anh

Những phương pháp tiêu hủy rác thải phổ biến áp dụng ở Vương quốc Anh bao gồm chôn lấp và thiêu đốt. Mỗi năm ở Vương quốc Anh có khoảng 111 triệu tấn rác thải được kiểm soát (rác thải sinh hoạt, rác thải thương mại, rác thải công nghiệp) được tiêu hủy ở các bãi chôn lấp. Một phần bùn thải của hệ thống xử lý nước thải và thoát nước, rác thải của công nghiệp khai khoáng cũng được chôn lấp. Trên toàn Vương quốc Anh hiện có khoảng 4.000 bãi chôn lấp rác thải đang hoạt động. Trong quá trình rác thải phân hủy tại các bãi chôn lấp đã tạo ra một lượng khí mê tan đáng kể phát thải vào không khí. Ước tính mỗi năm có khoảng trên 1,5 triệu tấn khí mê tan phát thải vào không khí từ các bãi chôn lấp rác thải ở Vương quốc Anh. Khí mê tan

là một loại khí nhà kính góp phần làm trái đất nóng lên. Ngoài ra, nước rác rò rỉ từ quá trình phân hủy rác có thể thấm thấu qua lớp lót xuống các địa tầng bên dưới gây ô nhiễm nước ngầm.

Thiêu đốt rác là một phương pháp xử lý rác thải phổ biến thứ hai (sau chôn lấp) ở hầu hết các quốc gia. Ở Vương quốc Anh, có khoảng 5% lượng rác thải sinh hoạt, 7,5% rác thải thương mại và 2% rác thải công nghiệp được tiêu hủy bằng phương pháp thiêu đốt. Khi đốt rác thải đã phát sinh ra một lượng lớn năng lượng, CO₂ và các chất khí độc hại vào khí quyển. Tuy nhiên, có một số nhà máy đốt rác hiện đại có thể tận dụng nhiệt thải để phát điện. Các nhà máy đốt rác có rất nhiều quy mô khác nhau từ loại lớn, trung bình cho đến các lò đốt

rác y tế cỡ nhỏ của các bệnh viện. Trong thập niên 1990, nhiều lò thiêu đốt rác thải y tế đã bị đóng cửa do không đáp ứng các quy định nghiêm ngặt về phát thải của Luật Bảo vệ môi trường năm 1990. Hiện nay, các bệnh viện có xu hướng cùng dùng chung một lò đốt rác để tiêu hủy rác thải.

Một phương pháp tiêu hủy rác thải ít phổ biến hơn nhưng lại mang tính bền vững đó là phương pháp xử lý kỵ khí. Áp dụng phương pháp này, rác được phân hủy trong một bể kín, không giống như ở bãi chôn lấp. Quá trình phân hủy rác được thực hiện trong môi trường thiếu ô xy. Vi sinh vật sống trong môi trường này sử dụng ô xy hóa học trong rác thải. Các vi sinh vật đó phân hủy rác theo cách phá vỡ các phân tử để tạo ra các sản phẩm khí (mê tan) và một lượng nhỏ chất thải rắn. Các nhà máy xử lý bùn thải theo phương pháp kỵ khí tạo ra một lượng đáng kể khí mê tan, dùng cho việc phát điện, đồng thời cũng tạo ra các loại phân bón hữu cơ dạng lỏng hoặc rắn có thể bán ra thị trường để thu hồi một phần chi phí vận hành nhà máy. Trong nhiều năm bùn thải và rác thải nông nghiệp đã được xử lý bằng phương pháp kỵ khí, và công nghệ này hiện nay được áp dụng cho cả rác thải đô thị. Công nghệ này đòi hỏi việc tách các thành phần có thể phân hủy bằng phương pháp sinh học rác khỏi rác thải để đưa vào ruộng phân hủy. Hiện nay, ở Vương quốc

Anh chỉ có một số nhà máy nhỏ áp dụng công nghệ này với công suất xử lý khoảng vài trăm tấn rác mỗi năm. Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ phân hủy rác kỵ khí được dự báo sẽ phát triển trong tương lai. Nhiều quốc gia đã sử dụng công nghệ này để xử lý rác với quy mô lớn, ví dụ như ở Đan Mạch xử lý khoảng 1,1 triệu tấn rác thải theo công nghệ kỵ khí mỗi năm.

Về việc tái chế rác thải, có thể áp dụng nhiều biện pháp có tính bền vững hơn để tiêu hủy rác. Một trong số đó là biện pháp compost hóa rác thải hữu cơ như thức ăn và rác thải vườn. Rác thải hữu cơ được ủ rơm có thể phân hủy trong vài tuần và được sử dụng làm phân bón. Mỗi hộ gia đình có thể vận hành bể xử lý compost hóa cỡ nhỏ trong nhiều năm và Chính phủ Anh đang khuyến khích nhân rộng mô hình này. Chính phủ Anh cũng đã có những chương trình quy mô lớn nhằm phát triển các nhà máy sản xuất phân compost và hệ thống thu gom rác thải thực vật từ các công viên, vườn cây, rác thải sinh hoạt hộ gia đình để sản xuất phân bón từ rác thải. Những chương trình này sẽ giúp Vương quốc Anh đáp ứng được mục tiêu tái chế và phân bón hóa 33% rác thải sinh hoạt vào năm 2015.

Minh Tuấn lược dịch

Nguồn: <http://www.ace.mmu.ac.uk>

Thành phố Thiên Tân nỗ lực xử lý môi trường nước, xây dựng môi trường sinh thái phù hợp

Môi trường nước là nền tảng quan trọng cho môi trường đô thị. Việc triển khai các dự án xử lý môi trường nước sẽ đảm bảo nguồn nước luôn sạch sẽ, đảm bảo quan điểm phát triển khoa học, là nội dung quan trọng trong việc xây dựng môi trường sinh thái, cải thiện môi trường sống và mang lại nhiều lợi ích cho người dân.

Nhiều năm trở lại đây, chính quyền thành phố Thiên Tân (Trung Quốc) luôn chú trọng tới

việc xây dựng môi trường sinh thái cho thành phố, coi việc xử lý nước sông, nước thải là những công việc quan trọng của thành phố, nhờ vậy, chất lượng môi trường nước của thành phố Thiên Tân đã được cải thiện rất nhiều.

I. Tích cực triển khai các dự án xử lý môi trường nước

1.1. Cải thiện đáng kể môi trường sinh thái sông

Từ năm 2000 đến nay, thành phố Thiên Tân đã thực hiện các dự án xử lý nguồn nước cho 5 nhánh sông cấp 1 với tổng chiều dài là 60,4km và 12 nhánh sông cấp 2 với tổng chiều dài là 114km. Trong gần 2 năm, sau khi thực hiện dự án bảo vệ nguồn nước cho sông Loan, môi trường nước của thành phố đã được cải thiện rõ rệt. Năm 2006, thành phố Thiên Tân đã được Bộ Xây dựng Trung Quốc trao tặng danh hiệu “Thành phố điển hình về xử lý môi trường nước”. Từ năm 2008, thực hiện kế hoạch 3 năm dự án xử lý môi trường nước, thành phố Thiên Tân đã hoàn thành nhiệm vụ xử lý môi trường nước ô nhiễm cho 10 nhánh sông thuộc trung tâm thành phố với chiều dài là 115km và 17 nhánh sông chuyên lấy nước dùng cho nông nghiệp với tổng chiều dài là 157km. Ngoài ra, hệ thống kiểm soát lũ lụt cũng được nâng cấp, môi trường sinh thái sông đã được cải thiện rõ rệt.

1.2. Công suất xử lý nước thải tăng rõ rệt

Nhiều năm trở lại đây, Thành phố Thiên Tân đã không ngừng cải thiện và thiết lập hệ thống xử lý nước ô nhiễm. Tính đến cuối năm 2007, thành phố đã đầu tư và đưa vào vận hành 17 nhà máy xử lý nước thải với tổng công suất xử lý gần 2 triệu tấn/ ngày. Đến tháng 10/2008, sau khi hoàn thành kế hoạch 3 năm dự án xử lý môi trường nước, thành phố đã cải tạo, xây mới 60 nhà máy xử lý nước thải, xây mới 800km mạng lưới đường ống để hỗ trợ cho kế hoạch hành động này, hơn nữa còn đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở xử lý nước thải. Đến cuối năm 2009, toàn thành phố đã đầu tư và đưa vào vận hành 45 nhà máy xử lý nước thải, công suất xử lý là hơn 2 triệu tấn/ngày, theo thống kê, tỷ lệ nước thải của thị trấn và đô thị tập trung được xử lý đạt khoảng 80%.

1.3. Bảo vệ môi trường nước đạt hiệu quả cao.

Kể từ khi thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 11 (Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nước CH Nhân dân Trung Hoa lần thứ 11), thành phố Thiên Tân luôn duy trì các dự án mang lại môi

trường xanh sạch đẹp, ngoài ra còn lập và thực hiện “Phương án phòng chống ô nhiễm nước”, bước đầu đã thiết lập rõ ràng quyền và trách nhiệm, quy tắc thực hiện, hệ thống giám sát và hiệu quả kiểm soát nguồn nước ô nhiễm, hiệu quả bảo vệ chất lượng nước và những thành quả của việc bảo vệ nguồn nước.

1.4. Đạt hiệu quả kinh tế và mang lại lợi ích cho xã hội

Để thực hiện các dự án xử lý môi trường nước, thành phố Thiên Tân phải đối mặt với những khó khăn về tài chính. Thành phố đã triển khai đẩy mạnh phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề nổi cộm về môi trường nước, đồng thời đưa ra những quyết sách quan trọng. Kể từ khi thành phố đầu tư cho việc thực hiện kế hoạch 3 năm dự án xử lý môi trường nước, có thể thấy nền kinh tế của thành phố phát triển hơn trước, môi trường sinh thái dọc theo các bờ sông đã được cải thiện và nâng cao giá trị đất hai bên bờ lên rất nhiều, tạo điều kiện phát triển kinh tế cho các quận, nhận được sự hưởng ứng tích cực của nhân dân.

II. Quy hoạch tổng thể, tổ chức khoa học, cải thiện toàn diện môi trường nước của thành phố

Để thực hiện xử lý và tạo ra một môi trường nước hoàn toàn mới, đòi hỏi phải có sự kiên trì, thực hiện theo nguyên tắc: tập trung, quy hoạch tổng thể, xử lý và chú trọng tới hiệu quả, nỗ lực bảo vệ nguồn nước, nâng cao chất lượng, làm đẹp môi trường nước, phát triển kinh tế từ nước và đảm bảo mục tiêu nước an toàn.

2.1. Hoàn thiện kế hoạch xử lý môi trường nước, từng bước cải thiện sinh thái nước

Yêu cầu phải tổ chức kỹ lưỡng, đảm bảo kế hoạch 3 năm thực hiện xử lý môi trường nước được hoàn thiện. Tính đến cuối năm 2010, thành phố đã hoàn thành xử lý 40 nhánh sông với tổng chiều dài 400km, chất lượng nguồn nước và sinh thái hai bên bờ sông đã được cải thiện rõ rệt; xây mới và cải tạo 60 nhà máy xử lý nước thải, công suất xử lý nước thải toàn

thành phố đạt hơn 2 triệu tấn/ngày, xử lý nước thải thị trấn và thành phố đạt tỷ lệ 85%, xử lý nước thải tập trung của khu vực nội thành đạt tỷ lệ trên 90%.

2.2. Thống nhất toàn cục, lập kế hoạch xử lý nguồn nước thải và tạo ra một môi trường nước mới

Dựa trên yêu cầu xây dựng sinh thái phù hợp với cuộc sống của người dân, kết hợp với kế hoạch 5 năm lần thứ 11, lập ra kế hoạch thực hiện xử lý môi trường nước một cách có khoa học.

- Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng nhà máy xử lý nước thải và mạng lưới đường ống, phục vụ cho việc điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và phát triển kinh tế xã hội tại các quận, dự kiến đến cuối năm 2013, tỷ lệ xử lý nước thải tại các đô thị và thị trấn sẽ đạt trên 90%.

- Lập kế hoạch cải tạo, xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước, nhanh chóng thực hiện cải tạo xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước và tích nước, đồng thời kết hợp xây dựng mạng lưới nhà máy xử lý nước thải với dự án liên thông các sông, từng bước hoàn thiện mạng lưới thoát nước của thành phố, đến cuối năm 2013, hệ thống đường ống thoát nước của thành phố sẽ đạt tỷ lệ bao phủ trên 90%.

- Lập kế hoạch thực hiện xử lý các nhánh sông phục vụ cho nông nghiệp, tiếp tục tiến hành xử lý cho những khu vực ven bờ, các huyện và khu vực nằm ngoài phạm vi huyện, thực hiện nạo vét, ngăn ngừa ô nhiễm và xây dựng cảnh quan, cải thiện môi trường sinh thái, thúc đẩy kinh tế khu vực phát triển.

2.3. Thực hiện dự án liên kết các dòng chảy, phục hồi hệ sinh thái sông

Trước mắt cần nhanh chóng hoàn thiện một số cơ sở và nỗ lực giải quyết những nhánh sông không liên thông với nhau, hay những nhánh sông không cung cấp đủ nguồn nước, hệ thống tuần hoàn chưa hoàn thiện dẫn tới các vấn đề về chất lượng nước. Để hoàn thiện dự án liên thông các sông chảy trong khu vực trung tâm

thành phố, chủ yếu cần thực hiện liên thông tuần hoàn giữa các ao hồ, các nhánh sông cấp 1, các đường thoát nước, từng bước hình thành 4 hệ sông tuần hoàn lớn là:

- Sông Hải Hà, Nam Vận, hệ sông bao quanh bên ngoài về phía Tây Nam

- Sông Hải Hà, Sông Tân Khai, hệ sông bao quanh bên ngoài về phía Đông Nam

- Sông Tử Nha, Tân Khai, hệ sông bao quanh bên ngoài về phía Bắc

- Các hệ sông độc lập được hình thành và liên kết với các sông khác thông qua các nhà máy xử lý nước thải.

Đối với những khu vực nằm ngoài phạm vi huyện, cần dựa theo tình hình phân bố các nhánh sông cấp 2 mà lập và thực hiện phương án liên thông các hệ sông với nhau, thực hiện tốt mục tiêu thoát nước an toàn và cải thiện môi trường nước.

2.4. Nhanh chóng thiết lập cơ sở tái chế nước và đẩy mạnh việc tận dụng nguồn nước tái chế

Mặc dù thành phố Thiên Tân nằm ở vị trí hạ lưu của 9 dòng sông lớn nhỏ chảy qua, với các dòng chảy ngang dọc đan chéo nhau, nhưng những năm gần đây, ở lưu vực sông Hải Hà xảy ra tình trạng khô hạn, phía thượng nguồn nước cũng ít dần theo từng năm, dung lượng dòng chảy ngày càng ít đi, tài nguyên nước bình quân đầu người chưa tới 160m³, nếu tính chung cả nước theo đầu người chỉ chiếm 1/15, Thiên Tân thuộc khu vực thiếu tài nguyên nước trầm trọng.

Theo quy định của Thành phố đã đề ra, xây dựng sinh thái phải phù hợp với môi trường sống của người dân, nhưng nhiệm vụ xử lý môi trường nước vẫn còn nhiều khó khăn. Việc sử dụng nước tái chế có thể giải quyết được tình trạng thiếu nước, hơn nữa còn là biện pháp quan trọng để phát triển nền kinh tế tuần hoàn. Nên bước tiếp theo cần thực hiện là nhanh chóng xử lý các nhánh sông, để chất lượng nước đạt với tiêu chuẩn khu vực, hoàn thiện việc xây dựng mạng lưới nhà máy xử lý nước

thải, giảm lượng COD trong nước, tăng cường xử lý và thắt chặt quản lý giám sát tình hình nước ô nhiễm, thúc đẩy và duy trì việc sử dụng nước tái chế.

Nhanh chóng xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc tái chế nước, nên xây dựng nhà máy tái chế nước gần các nhà máy xử lý nước thải, đồng thời phải dựa trên “Quy hoạch tận dụng nguồn nước tại chế tại khu vực trung tâm của thành phố Thiên Tân” mà thực hiện. Cần tập trung vào lượng người dân sử dụng nước công nghiệp, nhanh chóng hình thành hệ thống mạng lưới đường ống để nâng cao việc sử dụng nước tái chế tại các khu vực trung tâm. Kết hợp dự án liên thông các hệ sông với việc xây dựng nhà máy xử lý nước thải, nước tái chế, ngoài việc đưa vào sử dụng còn có chức năng giúp cho cảnh quan sông hồ trở nên đẹp hơn, thành phố luôn xanh, đường phố được rửa sạch đẹp...

2.5. Tăng cường giám sát, đảm bảo hiệu quả xử lý môi trường nước

Tiếp tục tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả giám sát sẽ giúp phòng chống ô nhiễm nước.

Tăng cường đảm bảo chất lượng nước, xử lý nước ô nhiễm, xử lý nước thải thành phố, nghiên cứu tính chất vận hành ổn định và tính an toàn của chất lượng nước, hoàn thiện quy phạm kỹ thuật quản lý nước uống, nước tái chế và nước ô nhiễm, cung cấp và hỗ trợ về kỹ thuật nhằm cải thiện tổng thể môi trường nước.

Tăng cường đầu tư về công nghệ, tất cả các nhà máy xử lý nước thải của toàn thành phố, các nguồn chính gây ô nhiễm, những đoạn sông trọng điểm cần phải lắp đặt các thiết bị theo dõi trực tuyến, thực hiện theo dõi chỉ tiêu đối với chất lượng nước, lượng nước xử lý, tốc độ xử lý...

Dựa theo pháp luật và quy định có liên quan của Thành phố Thiên Tân và của Quốc gia, các cơ quan chức năng cần tăng cường giám sát, kiên quyết điều tra và xử lý đối với những hành vi xả nước ô nhiễm.

III. Hoàn thiện các biện pháp hỗ trợ, củng cố xử lý môi trường nước

Việc nâng cao chất lượng môi trường nước đô thị là cả một hệ thống kỹ thuật, cũng là một nhiệm vụ lâu dài và khó khăn, đòi hỏi phải có sự kiên trì và không ngừng nỗ lực. Cần tiếp tục hoàn thiện các biện pháp hỗ trợ, đảm bảo hiệu quả xử lý môi trường nước.

3.1. Tăng cường quy hoạch và quản lý, kiểm soát chặt chẽ nguồn nước ô nhiễm

Tăng cường công tác phòng chống và kiểm soát các nguồn nước ô nhiễm, thông qua việc đánh giá môi trường chiến lược và kiểm soát, thúc đẩy điều chỉnh cơ cấu công nghiệp.

Để thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống đánh giá tác động môi trường, cần tăng cường ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước, thiết lập và kiện toàn hệ thống kiểm soát chất ô nhiễm, phải giảm ô nhiễm toàn diện, thống nhất tập trung nước ô nhiễm, bùn để xử lý, nỗ lực nâng cao mức độ tái chế.

3.2. Tích cực huy động, đa dạng hoá nguồn vốn

Tích cực lựa chọn và mở rộng các giải pháp tài chính giúp cho việc xử lý môi trường nước được tiến hành thuận lợi.

Tìm hiểu kinh nghiệm hỗ trợ nguồn vốn và chính sách thu thuế đối với việc xây dựng nhà máy xử lý nước thải và nhà máy tái chế nước của các tỉnh thành, đưa ra những kiến nghị đối với thành phố Thiên Tân.

Để xử lý các nhánh sông chảy qua các huyện phục vụ cho nông nghiệp, cần lựa chọn theo phương thức đầu tư, sử dụng nguồn tài chính của thành phố để khuyến khích tặng thưởng thay cho việc hỗ trợ, như vậy sẽ khuyến khích chính quyền các cấp tại các huyện tích cực và có trách nhiệm trong công việc.

Khuyến khích các nguồn vốn nước ngoài thông qua các hình thức đầu tư BT, BOT... để xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý môi trường nước.

3.3. Tăng cường chỉ tiêu đánh giá trách nhiệm và trách nhiệm hành chính

Để lập quy hoạch hành động xử lý môi trường nước của toàn thành phố, tạo ra một môi trường nước hoàn toàn mới, thì các cấp chính quyền của thành phố phải có trách nhiệm ký kết những điều khoản cam kết, như vậy mới có thể đảm bảo trách nhiệm đối với công việc, mục tiêu công việc và tiêu chuẩn công việc. Các ban, ngành có liên quan cần tiến hành kiểm tra

đặc biệt, thông báo và đánh giá định kỳ, đảm bảo các mục tiêu nhiệm vụ về môi trường nước được hoàn thành đúng tiến độ./.

Trần Ngọc Hằng

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc số 11/2010

ND: Bích Ngọc

Tỉnh Cam Túc thực hiện chiến lược mô hình đô thị hoá mới, thúc đẩy đô thị và nông thôn phát triển hài hòa

Đô thị và nông thôn đồng nhất là một quá trình động thái gắn liền với sự phát triển đô thị hoá, thúc đẩy thay đổi phương thức sản xuất, phương thức sinh hoạt và phương thức cư trú của cư dân đô thị và nông thôn, dung hoà các yếu tố dân số, kỹ thuật, tiền vốn và tài nguyên, hỗ trợ cho nhau, từng bước thúc đẩy nền kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường sinh thái giữa hai khu vực phát triển hài hoà. Đô thị và nông thôn đồng nhất là quy hoạch, nghiên cứu tổng thể bao gồm công nghiệp và nông nghiệp, đô thị và nông thôn, cư dân đô thị và cư dân nông thôn, thông qua phương thức cải cách thể chế và điều chỉnh chính sách, đẩy mạnh công tác quy hoạch xây dựng, phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh, biện pháp chính sách, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển hạ tầng xã hội, thay đổi cơ cấu kinh tế nhị nguyên hình thành từ lâu, thực hiện bình đẳng về chính sách giữa khu vực đô thị và nông thôn, hỗ trợ thúc đẩy sản xuất phát triển, thống nhất cơ chế đãi ngộ quốc dân, để nông dân được tiếp cận văn minh và thụ hưởng các chính sách ưu đãi như cư dân đô thị, từng bước thúc đẩy kinh tế xã hội đô thị và nông thôn phát triển toàn diện, hài hoà và bền vững.

Tỉnh Cam Túc (Trung Quốc) là một tỉnh kém phát triển, điều kiện tự nhiên và cơ sở kinh tế của tỉnh kém hơn các tỉnh khác. Năm 2009, tỉ lệ đô thị hoá của Cam Túc là 32,65%, thấp hơn tỉ lệ đô thị hoá bình quân của cả nước 13,94% (tỉ

lệ đô thị hoá cả nước là 46,59%), chênh lệch khá lớn. Vì vậy, trong quá trình thúc đẩy đô thị và nông thôn phát triển đồng nhất, tỉnh Cam Túc phải kết hợp với thực tế của tỉnh, tìm kiếm một lối đi khác biệt so với các khu vực đô thị phát triển khác - lấy mô hình đô thị hoá mới thúc đẩy quá trình đồng nhất giữa thành thị và nông thôn.

I. Khái niệm và đặc điểm của mô hình đô thị hoá mới

1.1. Khái niệm về mô hình đô thị hoá mới

Có thể thấy, đô thị hoá truyền thống và đô thị hoá mới đều chỉ quá trình sinh hoạt và phương thức sản xuất của con người chuyển từ mô hình nông thôn sang đô thị, là quá trình dân số nông thôn dần chuyển lên đô thị, đô thị không ngừng phát triển và hoàn thiện.

Đô thị hoá không chỉ là quá trình dân số nông thôn đơn thuần tập trung lên khu vực đô thị, mà còn bao hàm nhiều yếu tố cùng tồn tại và phát triển. Mô hình đô thị mới với sự chỉ đạo của quan điểm phát triển khoa học, tuân thủ quy luật đô thị hoá và quy luật phát triển kinh tế, quy hoạch chung giữa các khu vực và đô thị, tiến bước theo con đường đô thị hoá với trọng tâm phát triển khoa học, thâm canh hiệu quả cao, chúch năng hoàn chỉnh, môi trường trong sạch, xã hội hài hoà, đô thị và nông thôn phát triển đồng nhất.

1.2. Đặc điểm của mô hình đô thị hoá mới

So với mô hình đô thị hoá truyền thống, mô

hình đô thị hoá mới chú trọng hơn tới quy hoạch phát triển đồng bộ giữa đô thị và nông thôn chứ không chỉ tập trung phát triển khu vực đô thị; nhấn mạnh hệ thống đa ngành, bao gồm ngành dịch vụ hiện đại, ngành nông nghiệp hiện đại,... chứ không chỉ đơn thuần trông chờ vào công nghiệp hoá để thúc đẩy đô thị hoá phát triển; nhấn mạnh khai thác bản sắc văn hoá đô thị chứ không chỉ đơn thuần mở rộng quy mô đô thị; chú trọng đồng bộ hoá hệ thống cơ sở hạ tầng công cộng chứ không chỉ đơn thuần xây dựng cơ sở hạ tầng; nhấn mạnh sử dụng tiết kiệm đất đai chứ không chỉ đơn thuần mở rộng lãnh thổ; chú trọng hơn đến cải cách thể chế đa nguyên chứ không chỉ đơn thuần xây dựng hệ thống cải cách; chú trọng hơn đến chất lượng đô thị hoá chứ không chỉ đơn thuần là số lượng.

II. Hiện trạng và vấn đề tồn tại trong tiến trình thực hiện mục tiêu thúc đẩy đô thị và nông thôn phát triển đồng nhất của tỉnh Cam Túc

2.1. Hiện trạng phát triển đồng nhất thành thị và nông thôn của tỉnh Cam Túc

Hiện nay, cơ cấu kinh tế nhị nguyên của tỉnh Cam Túc vẫn khá rõ nét, biểu hiện ở chỗ: kinh tế đô thị với sức sản xuất phát triển, đại công nghiệp hiện đại hoá tập trung và kinh tế nông nghiệp khu vực gần trung tâm lạc hậu và nghèo khó cùng tồn tại. Giữa hai khu vực tồn tại một khoảng cách khá lớn và gần như không có một mối liên quan nào giữa hai khu vực này, kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn như hai quỹ đạo vận hành song song. Năm 2009, bình quân người dân đô thị tỉnh Cam Túc có thể chi 11.930 NDT, nhưng người nông dân bình quân thu nhập chỉ là 2.980 NDT, tỉ lệ giữa hai nhóm đối tượng này là 4:1, khoảng cách chênh lệch giữa đô thị và nông thôn quá rõ rệt. Giữa các khu vực trong phạm vi toàn tỉnh mức độ đồng nhất đô thị và nông thôn cũng có sự khác biệt khá lớn.

2.2. Vấn đề tồn tại trong thực tiễn thực hiện mục tiêu phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn của tỉnh Cam Túc

a. Rào cản do cơ cấu nhị nguyên

Do những nguyên nhân và yếu tố lịch sử, xã hội Trung Quốc đã hình thành nền kinh tế nhị nguyên với các chính sách, pháp luật hữu quan. Đây chính là những rào cản đối với việc thực hiện đồng nhất đô thị và nông thôn. Chủ yếu là các chế độ và chính sách đất đai, hệ thống pháp luật và chế độ quản lý hộ khẩu, thể chế tài chính nông thôn, thể chế quản lý hành chính... Trong bối cảnh cơ cấu nhị nguyên gây cản trở đến tiến trình đồng nhất đô thị và nông thôn, nhiệm vụ của chính quyền tỉnh Cam Túc là đổi mới cơ chế và cải cách thể chế.

b. Thiếu vốn nghiêm trọng

Nguyên nhân của việc đến những năm gần đây Trung Quốc mới bắt đầu nỗ lực phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn là do trước đây trình độ kinh tế của Trung Quốc còn thấp, ưu tiên phát triển công nghiệp, vì công nghiệp lớn mạnh là cơ sở tài chính thúc đẩy đô thị và nông thôn phát triển, do đó có thể thấy tiền vốn là yếu tố then chốt để xây dựng đồng nhất đô thị và nông thôn.

Công cuộc đồng nhất đô thị và nông thôn của tỉnh Cam Túc còn trong giai đoạn bước đầu. Là một tỉnh kém phát triển về kinh tế, đặc biệt là thị trường vốn còn chưa thực sự hoàn chỉnh như hiện nay thì thiếu vốn chính là một vấn đề hết sức nan giải của tỉnh Cam Túc.

III. Cơ hội và ưu thế của tỉnh Cam Túc trong việc phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn

3.1. Cơ hội phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn của tỉnh Cam Túc

Nhìn từ môi trường phát triển quốc tế, toàn cầu hoá kinh tế đã trở thành xu thế chủ đạo trong phát triển kinh tế thế giới. Xu hướng phát triển kinh tế xuyên quốc gia ngày càng rõ rệt, điều chỉnh kết cấu và nâng cao sản nghiệp trong phạm vi toàn cầu đang từng bước được khẳng định; hợp tác giữa các khu vực tăng mạnh, mậu dịch quốc tế ngày càng trở thành động lực chính thúc đẩy kinh tế các nước tăng

trưởng, mang lại nhiều cơ hội giúp tỉnh Cam Túc tận dụng hiệu quả yếu tố phát triển kinh tế khu vực, thúc đẩy tiến trình đồng nhất đô thị và nông thôn.

Nhìn từ tình hình phát triển trong nước, Trung Quốc đang tiến vào thời kỳ thực hiện chiến lược phát triển quan trọng. Trung Quốc đang trong giai đoạn phát triển mới với tổng giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt trên 1.000 USD, đã bước vào giai đoạn công nghiệp nặng, kinh tế duy trì mức tăng trưởng mạnh, tình hình kinh tế vĩ mô thuận lợi này là sự đảm bảo quan trọng cho tiến trình đẩy mạnh phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn của tỉnh Cam Túc.

Nhìn từ tình hình chính sách phát triển khu vực có thể thấy, nhà nước Trung Quốc đi sâu thực hiện chiến lược đầu tư mạnh khu vực phía Tây, trong đó “Quy hoạch chung kinh tế tuần hoàn tỉnh Cam Túc” đã được nhà nước phê duyệt, bên cạnh đó, sự ra đời của “Ý kiến liên quan của Văn phòng Quốc Vụ viện về việc tiếp tục hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội Cam Túc” và quyết tâm thực hiện chiến lược phát triển khu vực của chính quyền tỉnh Cam Túc đều là cơ hội hiếm có cho sự nghiệp phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn tỉnh Cam Túc.

3.2. Ưu thế của tỉnh Cam Túc trong việc phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn

a. Tỉnh Cam Túc nằm ở vị trí khá thuận lợi

“Ý kiến của Văn phòng Quốc Vụ viện về việc tiếp tục hỗ trợ tỉnh Cam Túc phát triển kinh tế xã hội” chỉ rõ, tỉnh Cam Túc nằm ở trung tâm khu vực phía Tây, là khu vực nguồn nước quan trọng của hai con sông lớn là sông Hoàng Hà và sông Trường Giang, là khu vực tiếp giao của nhiều dân tộc khác nhau, là cầu nối quan trọng với các khu vực Tân Cương, Thanh Hải, Ninh Hạ, Nội Mông, có vai trò hết sức quan trọng không thể thay thế trong việc bảo đảm an toàn sinh thái quốc gia, đẩy mạnh đoàn kết dân tộc, phát triển phần vinh và giữ vững biên cương khu vực phía Tây.

b. Công tác phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn đã có nền tảng nhất định

Cùng với công tác đầu tư và một loạt các chính sách khuyến nông của nhà nước, tỉnh Cam Túc cũng không ngừng đẩy mạnh công tác sử dụng nước sạch, sử dụng điện an toàn, sử dụng khí đốt, cải thiện nhà ở và hạ tầng giao thông, đặc biệt là từ khi “Ý kiến của Quốc Vụ viện về việc đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa” được ban hành, tỉnh Cam Túc đã nỗ lực triển khai xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, không ngừng cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn và nâng cao trình độ phục vụ công cộng. Năm 2009, tỉnh Cam Túc chọn các thành phố Lan Châu, Kim Xương và Giai Cốc Quan làm thành phố thí điểm thực hiện cải cách đồng bộ đô thị và nông thôn.

IV. Kiến nghị đối sách lấy mô hình đô thị hoá mới thúc đẩy tiến trình đồng nhất đô thị và nông thôn

Thúc đẩy đồng nhất đô thị và nông thôn, là loại bỏ tận gốc cơ cấu nhị nguyên và giải quyết vấn đề tam nông, xúc tiến tính linh hoạt giữa đô thị và nông thôn, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa đô thị và nông thôn, thực hiện mục tiêu đô thị và nông thôn hỗ trợ nhau cùng phát triển. Tỉnh Cam Túc là một trong những tỉnh kém phát triển, do đó chính quyền cần cần nhắc kỹ lưỡng tình hình cơ bản và hiện trạng phát triển đô thị hoá của tỉnh, tiếp thu có biện chứng kinh nghiệm của các tỉnh phát triển hơn, phát huy ưu thế phát triển muộn, phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu, lấy mô hình thành thị hoá mới để thúc đẩy tiến trình đồng nhất thành thị và nông thôn. Một mặt thông qua việc nâng cao trình độ đô thị hoá, giảm bớt nông dân, hỗ trợ thêm nhiều nông dân chuyển lên đô thị, thụ hưởng văn minh đô thị; mặt khác, thông qua công tác phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập nông dân, nâng cao trình độ giáo dục cho nông dân, cải thiện điều kiện sinh hoạt và sản xuất khu vực nông thôn, cụ thể kiến nghị như sau:

4.1. Phát huy vai trò dẫn dắt của quy hoạch, lập quy hoạch đồng nhất thành thị và nông thôn

Thiết lập quan niệm quy hoạch lát người làm gốc, xem công tác phát triển nông thôn, tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, tăng cường tính hệ thống, tính toàn diện và tầm nhìn lâu dài trong quy hoạch đồng nhất đô thị và nông thôn. Việc quy hoạch đồng nhất đô thị và nông thôn phải đảm bảo luôn đi trước một bước, chú trọng nghiên cứu bố trí hài hoà bố cục không gian, sự bổ trợ giữa các kết cấu chức năng, môi trường sinh thái hài hoà, hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, luân chuyển dân số linh hoạt, môi trường chính trị văn hoá bình đẳng và sự nghiệp xã hội đồng nhất.

4.2. Mở rộng kênh đầu tư, tăng cường đầu tư khu vực nông thôn

Điều chỉnh tối ưu hoá kết cấu thu chi tài chính, thiết lập chế độ tài chính hỗ trợ đầu tư phát triển đô thị và nông thôn, cải thiện công tác dịch vụ công cộng và sản phẩm công cộng cung cấp cho khu vực nông thôn, thực hiện mục tiêu tài chính công chăm sóc đến toàn bộ khu vực đô thị và nông thôn. Áp dụng các biện pháp chính sách hiệu quả, xúc tiến kết nối đồng bộ cơ sở hạ tầng khu vực đô thị và nông thôn, mở rộng chế độ phục vụ công cộng và sự nghiệp xã hội đến khu vực nông thôn. Bố trí và thực hiện dự toán thu chi cho nông nghiệp và nông thôn, từng bước hình thành cơ chế thu chi vốn đầu tư cho nông thôn tăng trưởng ổn định.

4.3. Đi sâu cải cách thể chế, ưu hoá công tác phân phối tài nguyên

Tiếp tục đi sâu cải cách thể chế kinh tế thị trường, đặc biệt là cải cách thị trường, đẩy mạnh thống nhất thị trường tiền tệ khu vực đô thị và nông thôn, bồi dưỡng và phát triển thị trường bất động sản, thị trường công nghệ, thị trường đất đai, thị trường nhân lực, xúc tiến tối ưu hoá phân phối tài nguyên khu vực thành thị và nông thôn, từng bước thiết lập thể chế kinh tế và xã hội có lợi với việc loại bỏ kết cấu nhị nguyên. Cải cách chế độ hộ tịch, chế độ trung dụng đất đai, chế độ sử dụng đất nông nghiệp...

4.4. Nâng cao tố chất người dân, xây

dựng nền tảng phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn bền vững

Tố chất người dân là thể hiện tổng hợp các tố chất bản thân, tố chất văn hoá khoa học kỹ thuật và tố chất tư tưởng đạo đức của tập thể người dân của một khu vực hay của một quốc gia. Việc nâng cao tố chất con người thể hiện ở việc lao động thông thường có thể chuyển thành nguồn nhân lực, trở thành yếu tố sản xuất quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Vì vậy, Chính quyền tỉnh Cam Túc luôn chú trọng nâng cao tố chất con người, cung cấp cho sự nghiệp phát triển đô thị hoá nguồn nhân lực chất lượng cao.

4.5. Đẩy mạnh điều chỉnh cơ cấu sản nghiệp, tăng cường hệ thống hỗ trợ đồng nhất đô thị và nông thôn

Muốn nắm bắt cơ hội chuyển đổi mô hình kinh tế đất nước, thực thi chiến lược đầu tư khu vực phía Tây và Quốc Vụ viện hỗ trợ Cam Túc phát triển kinh tế xã hội, chính quyền tỉnh đã chú trọng bồi dưỡng phát triển ngành sản xuất chủ đạo, ngành sản xuất trụ cột, doanh nghiệp dẫn đầu Tích cực điều chỉnh tối ưu hoá kết cấu sản xuất, sử dụng chính sách phát triển khu vực để chỉ đạo bố cục không gian đô thị, phân công sản xuất và phân phối tài nguyên hợp lý.

4.6. Tăng cường tổ chức lãnh đạo, xúc tiến trình tự phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn

Sự nghiệp phát triển đồng nhất đô thị và nông thôn, xây dựng xã hội lành mạnh có liên quan mật thiết đến tổng thể phát triển nông thôn và lợi ích thiết thực của nông dân. Các cấp, các ngành của tỉnh cần đề cao quan điểm phát triển khoa học và quan điểm chính trị đúng đắn, thiết thực nâng cao vai trò lãnh đạo. Các cấp huyện, thị cần thiết lập ban lãnh đạo bao gồm trưởng ban, phó trưởng ban và các thành viên. Thiết lập hoàn thiện biện pháp đánh giá, lấy thành tích công tác phát triển đô thị và nông thôn làm tiêu chí kiểm tra năng lực của cán bộ các cấp, làm nội dung quan trọng đánh giá trình

độ công tác và thành tích của cán bộ, hình thành cơ chế hiệu quả đảm bảo phân công hợp lý, trách nhiệm rõ ràng, đánh giá nghiêm túc. Các cấp, các ngành cần phân công hợp lý các bên tham gia, tái tổ hợp các loại tài nguyên, tăng cường chức năng phục vụ. Trên cơ sở cân nhắc kỹ tình hình thực tế của khu vực, thực hiện thí điểm, từng bước thực hiện, ngăn chặn

chủ nghĩa hình thức, quán triệt thực hiện trên cơ sở đảm bảo lợi ích của quần chúng.

Trương Linh Tuấn

Nguồn: T/C xây dựng đô thị và nông thôn

TQ số 10/2010

ND: Hoàng Đại Hải

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Mô hình co ngót không đồng nhất đối với bê tông từ thí nghiệm co ngót tự sinh đối với hồ xi măng có và không chứa hạt xỉ lò cao

Tác giả: Ya Wei, Will Hansen, Joseph J. Biernacki

Tạp chí Vật liệu xây dựng, số 1, tháng 1/2011 - Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)

Tóm tắt:

Trong bài này sự phát triển co ngót tự sinh của bê tông được nghiên cứu như là một hàm thời gian đối với hồ xi măng và bê tông đang thủy hóa trong điều kiện không che phủ ở nhiệt độ trong phòng. Những ảnh hưởng của tỷ lệ nước/ xi măng (lần lượt là 0,35, 0,4 và 0,45), hàm lượng hạt xỉ lò cao tính theo % khối lượng xi măng (0, 30 và 50%), hàm lượng cốt liệu (40%) đối với sự phát triển co ngót được nghiên cứu và ghi chép lại. Việc đo mức độ co ngót được tiến hành sau 10 giờ đồng hồ và kéo dài suốt 90 ngày. Sự tự khô (sự giảm độ ẩm trong lỗ rỗng) được dự báo bằng mô hình HYMOSTRUC. Những ảnh hưởng của tỷ lệ N/X đối với sự phát triển co ngót có thể được chuẩn hóa từ các đường cong biểu diễn độ ẩm lỗ rỗng đối với hồ xi măng pooc lăng. Ảnh hưởng của cốt liệu đối với sự co ngót tự sinh cũng được tìm thấy thông qua mô hình Pickett được phát triển để dự báo sự co khô. Các kết quả thí nghiệm cho thấy một mô hình co ngót không đồng nhất, bao gồm tồn tại đồng thời cả co kho và co ngót tự sinh. Các tác giả đã rút ra những điểm cốt lõi của mô hình này, bao gồm độ ẩm tương đối (RH) và hàm lượng cốt liệu và hệ số

giới hạn là các biến số chính. Xỉ hạt lò cao ban đầu giúp giảm được sự co do đóng vai trò là một bộ lọc, nhờ đó làm tăng hiệu quả của tỷ lệ N/X. Trong thời gian dài khi sự co ngót phát triển, yếu tố chính làm giảm độ ẩm lỗ rỗng liên quan đến các phản ứng pozzolan. Do độ ẩm tương đối cao trong các mẫu thí nghiệm có tỷ lệ N/X là 0,45, nên ảnh hưởng của pozzolan đối với sự co ngót tự sinh có thể thấy được rõ hơn ở các tuổi sau.

www.concrete.org

Bê tông tính năng cao với khả năng chịu nén trên 150 MPa: một cách đơn giản hơn

Tác giả: Kay Will, Antoine E. Naaman, Gustavo J. Parra-Montesinos

Tạp chí Vật liệu xây dựng số 1, tháng 1/2011 - Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)

Tóm tắt:

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về bê tông tính năng cao (UHPC) và các cấp phối của nó đã được tiến hành trong hai thập kỷ gần đây, tạo ra được loại bê tông tính năng cao có cường độ chịu nén trên 150 MPa mà không cần xử lý đặc biệt như dưỡng hộ nhiệt, áp suất hoặc đầm rung. Trong bài viết này, các tác giả mô tả sự phát triển một loại bê tông tính năng cao có cường độ trên 200 MPa, sử dụng các nguyên liệu sẵn có trên thị trường Mỹ và không cần xử lý nhiệt, áp suất hoặc phụ gia đặc biệt. Ảnh hưởng của các yếu tố khác như chủng loại xi măng (C), silicafum (F), cát và phụ gia giảm nước (HRWR) đối với cường độ nén của bê tông được nghiên

cứu và đánh giá. Các kết quả thí nghiệm cho thấy một dải giá trị rất rộng, được đo bằng thí nghiệm côn sụt trên bàn chảy, là cơ sở tốt để tốt ưu hóa độ đặc chắc của hỗn hợp và cũng như cường độ chịu nén của bê tông.

www.concrete.org

Các đặc tính kỹ thuật của bê tông pozzolan tự nhiên hoạt tính

Tác giả: Daly Bondar, Cyril J.Lynsdale, Neil B. Milestone, Nemat Hassani

Tạp chí Vật liệu xây dựng số 1, tháng 1/2011 - Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)

Tóm tắt:

Sự phát triển của các loại chất kết dính hoạt tính với các đặc tính kỹ thuật cao và độ bền lâu hơn đã nổi lên như là một sự thay thế so với xi măng pooc lăng thường (OPC). Có thể sử dụng các phụ gia khoáng pozzolan tự nhiên hoạt tính để tạo ra loại xi măng polime thân thiện môi trường hơn theo quan điểm phát triển bền vững. Bài viết này giới thiệu khái quát một công trình

nghiên cứu thực nghiệm được tiến hành để đánh giá cường độ cơ học, mô đun đàn hồi, vận tốc xung siêu âm, sự co ngót của các hỗn hợp bê tông khác nhau được phối trộn với các loại phụ gia khoáng pozzolan tự nhiên hoạt tính gồm Taftan và Shahindej của Iran - đã được nung phân hủy và chưa nung phân hủy (calcining). Các số liệu thí nghiệm thu được với mẫu bê tông sử dụng phụ gia Taftan để xác định ảnh hưởng của tỷ lệ nước/chất kết dính và các điều kiện dưỡng hộ đối với đặc tính của bê tông polime, còn ảnh hưởng của cấp phối vật liệu được nghiên cứu qua sự hoạt hóa của pozzolan Shahindej ở trạng thái tự nhiên và đã được nung qua buồng phân hủy. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, bê tông sử dụng phụ gia khoáng pozzolan hoạt tính có cường độ cơ học từ khá đến cao với mô đun đàn hồi lớn và giảm co ngót so với bê tông xi măng pooc lăng thường.

www.concrete.org

Biên tập tin: Bạch Minh Tuấn

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát động Tết trồng cây Xuân Tân Mão tại Khu đô thị mới Việt Hưng

Sáng ngày 8/02/2011 (tức ngày 06 Tết Tân Mão), Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã phát động Tết trồng cây Xuân Tân Mão tại Khu đô thị mới Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội. Tham dự Tết trồng cây Xuân Tân Mão do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Việt Nam (HUD) phối hợp tổ chức có các lãnh đạo Bộ Xây dựng: Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, Nguyễn Đình Toàn; lãnh đạo Quận ủy và Ủy ban nhân dân Quận Long Biên; ông Nguyễn Hiệp - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Tập đoàn HUD, ông Nguyễn Đăng Nam - Tổng Giám đốc Tập đoàn HUD - đơn vị chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Việt Hưng; lãnh đạo và chuyên viên các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng, các ban ngành của Quận Long Biên, lãnh đạo các đơn vị thành viên, các phòng ban của Tập đoàn và toàn thể cán bộ công nhân viên khối cơ quan của Tập đoàn.

Phát biểu khai mạc Tết trồng cây, ông Nguyễn Hiệp - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Tập đoàn đã nêu lên tầm quan trọng của việc tiếp tục gìn giữ và duy trì việc tổ chức Tết trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ” đối với Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị. Khu đô thị mới Việt Hưng, được Tập đoàn định hướng xây dựng thành khu đô thị mới kiểu mẫu thứ hai tại Hà Nội. Qua một năm triển khai xây dựng theo các tiêu chí của khu đô thị mới kiểu mẫu, đã có nhiều công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới Việt Hưng được hoàn thành với chất lượng và sự đồng bộ cao để phục vụ nhu cầu của người dân trong khu đô thị. Tập đoàn phấn đấu đến năm 2012 Khu đô thị mới Việt Hưng sẽ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để được công nhận là Khu đô thị kiểu mẫu.

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã phát biểu đánh giá cao việc duy trì phong trào Tết trồng



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát động Tết trồng cây Xuân Tân Mão 2011



Quang cảnh trồng cây Xuân Tân Mão 2011 tại khu ĐTM Việt Hưng

cây của Tập đoàn HUD cũng như các hoạt động chăm sóc để cây phát triển, mang lại màu xanh và cảnh quan sạch đẹp tại các khu đô thị mới do Tập đoàn đầu tư. Sau lời phát động của Bộ trưởng, các đại biểu tham dự đã tiến hành trồng hơn 700 cây non theo quy hoạch của dự án.

Kể từ năm 1998, đây là Tết trồng cây lần thứ 14 được Tập đoàn HUD (trước đây là Công ty, Tổng công ty) tổ chức với mục đích phủ xanh các khu đô thị mới do Tập đoàn đầu tư.

Minh Tuấn

(Nguồn: Tin từ Tập đoàn HUD)

Hội nghị tổng kết 5 năm “Phong trào thi đua liên kết xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La” và phát động thi đua giai đoạn 2011-2012

Ngày 24/1/2011, trên công trường xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (LĐVN) đã tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm (2006-2010) “Phong trào thi đua liên kết xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La” và phát động thi đua giai đoạn 2011-2012.

Tham dự Hội nghị có ông Đặng Ngọc Tùng - Ủy viên T.Ư Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN; ông Thái Phụng Nê - Phó trưởng ban chỉ đạo Nhà nước về dự án Nhà máy thủy điện Sơn La, ông Mai Đức Chính - Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN - Trưởng ban chỉ đạo “Phong trào thi đua liên kết xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La”, và đại diện lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Công đoàn Điện lực Việt Nam

Trong 5 năm qua, hàng chục ngàn cán bộ, kỹ sư, công nhân trên đại công trường Thủy điện Sơn La đã không quản ngại thời tiết khắc nghiệt, miệt mài hăng say lao động sản xuất, bám máy, bám công trường thi công 3 ca liên tục và đã hoàn thành khối lượng công việc khổng lồ, vượt tiến độ thời gian, đảm bảo chất lượng, an toàn và tiết kiệm.

Trong đó, đã hoàn thành các mốc quan trọng: Khởi công và ngăn sông đợt 1 vào ngày 2/12/2005; ngăn sông đợt 2 vào ngày 23/12/2008; ngăn sông đợt 3 và tích nước lòng hồ vào ngày 15/5/2010; hoàn thành lắp đặt rotor máy phát số 1 vào ngày 20/8/2010; phát điện tổ máy số 1 vào ngày 17/12/2010 sớm 2 năm so với kế hoạch đề ra. Giá trị sản xuất kinh doanh từ năm 2005 đến hết tháng 12/2010 của toàn công trường đạt 12.292,860 tỉ đồng.

Công trình thủy điện Sơn La là đại công trường lớn nhất Việt Nam và là công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á, hoàn toàn do người



Lễ ký kết giao ước thi đua liên kết xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La năm 2011

Việt Nam thiết kế và thi công. Vì vậy, đòi hỏi có sự phối hợp cộng tác hết sức chặt chẽ giữa các đơn vị từ khâu thiết kế, tư vấn đến quản lý, thi công nhưng dưới sự điều hành trực tiếp của Ban điều hành tổng thầu (Tập đoàn Sông Đà), kết hợp vai trò của “nhạc trưởng” - Ban quản lý nhà máy thủy điện Sơn La, các đơn vị tham gia thi công đã có sự phối hợp gắn kết nhịp nhàng, tuân thủ quy trình và tiến độ từng hạng mục công trình đã được phê duyệt, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Theo ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Phó Trưởng ban Chỉ đạo “Phong trào thi đua liên kết xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La”, 5 năm qua, với sự nỗ lực của tập thể CBCNLĐ trên công trường, các mục tiêu thi đua liên kết hàng năm đã cơ bản hoàn thành và vượt tiến độ đề ra. Từ kết quả phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình trong lao động sản xuất góp phần quan trọng hoàn thành nhiệm vụ chung của toàn công trường, như: Tập thể Ban Quản lý dự án thủy điện Sơn La; Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La; Công ty CP Sông Đà 5; Công ty CP Sông Đà 7; Cty TNHH Sông Đà 9.08, Chi nhánh Cty CP Lilama 10; TCty Trường Sơn...

và các cá nhân tiêu biểu như: Phạm Đức Quý - thợ hàn Công ty CP Sông Đà 5; Nguyễn Văn Tiến - Thợ hàn Công ty CP Sông Đà 7.07; Phạm Văn Nhu - Đội cơ giới số 2 Công ty TNHH 908; Nguyễn Hồng Hà - Trưởng Ban quản lý dự án TĐ Sơn La; Nguyễn Thế Trinh - giám đốc Chi nhánh LILAMA 10 Sơn la; Đoàn Ngọc Tuấn Đội trưởng - Chi nhánh Lilama; Lưu Trọng Tài Công ty cổ phần 909; Nguyễn Kim Tới - Giám đốc Ban điều hành tổng thầu thủy điện Sơn La ...

Ban chỉ đạo phong trào thi đua liên kết ghi nhận và nhiệt liệt biểu dương những công lao đóng góp to lớn của tất cả các cán bộ, công nhân viên chức lao động trên công trường đã khắc phục mọi khó khăn, hăng say, miệt mài làm việc 3 ca, để công trường hoàn thành thắng lợi các mục tiêu thi đua đã đề ra, góp phần quan trọng đưa tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Sơn La vào vận hành vượt tiến độ trước 2 năm kế hoạch đề ra. Đây còn là công trình mang ý nghĩa thiết thực chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

Chủ tịch Tổng LĐLĐVN Đặng Ngọc Tùng đã biểu dương những thành tích của các tập thể, cá nhân trên công trường xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La trong 5 năm qua, đồng thời lưu ý các đơn vị về nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch hoàn thành công trình vào năm 2012. Trước mắt, cần phấn đấu thực hiện mục tiêu phát điện tổ máy số 2, số 3 và số 4 đúng tiến độ đề ra trong năm 2011.

Chủ tịch Đặng Ngọc Tùng cũng bày tỏ sự tin tưởng, với tinh thần trách nhiệm, năng lực của các đơn vị trong tổ hợp nhà thầu và đặc biệt được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Chính phủ, của Ban Chỉ đạo Nhà nước và sự hỗ trợ tạo điều kiện của các Bộ, Ban ngành, đoàn thể TW, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổ hợp nhà thầu Tập đoàn công nghiệp xây dựng Việt Nam, các cấp chính quyền và nhân dân tỉnh Sơn La, cán bộ, kỹ sư, công nhân các đơn vị đang thi công trên công trường sẽ phấn đấu hết sức mình, tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành toàn bộ dự án vào năm 2012, đáp ứng kỳ vọng



Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN Đặng Ngọc Tùng trao tặng các danh hiệu thi đua cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc

của Đảng, Nhà nước và sự mong đợi của nhân dân cả nước.

Tại hội nghị, Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN Đặng Ngọc Tùng, Phó Chủ tịch Tổng LĐLĐVN Mai Đức Chính và lãnh đạo tỉnh Sơn La, LĐLĐ tỉnh và CĐ Điện lực VN, CĐ Xây dựng VN đã trao Huân chương lao động hạng Ba cho 6 tập thể và 12 cá nhân; trao bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 13 tập thể và 23 cá nhân. Ngoài ra, Tổng Liên đoàn LĐVN và Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Công đoàn Điện lực Việt Nam đã tặng Bằng khen cho 141 tập thể và 397 cá nhân, và khen thưởng 160 tập thể và 6.720 cá nhân với tổng số tiền thưởng: 2.740.500.000 đồng.

Theo mục tiêu thi đua liên kết xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La năm 2011 được ký kết giao ước tại Hội nghị, năm 2011 các đơn vị phấn đấu thực hiện tổng giá trị sản lượng 539,497 tỉ đồng, trong đó giá trị xây lắp là 488,583 tỉ đồng. Đổ bê tông CVC: 108.220m³, lắp đặt 12.953 tấn thiết bị; sản xuất 85.000m³ đá dăm, cát xay. Các mốc và mục tiêu chính phải hoàn thành trong năm 2011: Phát điện tổ máy số 2, ngày 30/4/2011; phát điện tổ máy số 3, ngày 31/8/2011; phát điện tổ máy số 4, ngày 31/12/2011.

Minh Tuấn

(Nguồn: Ban Chỉ đạo phong trào thi đua liên kết xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La)

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phát động thi đua hoàn thành các hạng mục đúng tiến độ trên công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I

Trong không khí đón Tết cổ truyền dân tộc, chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, hưởng ứng đợt thi đua do Đoàn Chủ tịch Tổng LĐLĐ Việt Nam phát động lập thành tích chào mừng các sự kiện lớn của đất nước và của ngành Xây dựng năm 2011, ngày 03/02/2011 (tức ngày mùng 1 tết), Tổng công ty CP Sông Hồng đã long trọng tổ chức Lễ phát động thi đua hoàn thành các hạng mục đúng tiến độ trên công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I.

Đến dự và chứng kiến Lễ phát động thi đua có Tổng Giám đốc TCTy CP Sông Hồng Đặng Tiên Phong, Chủ tịch công đoàn TCTy Kiều Văn Linh, lãnh đạo các phòng, ban chức năng của TCTy, lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Ban điều hành dự án, lãnh đạo các đơn vị cùng công nhân viên chức lao động (CNVCLĐ) đang trực tiếp thi công xây dựng nhà máy.

Thấm nhuần lời dạy của Bác “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất”, với tinh thần đó, trong suốt quá trình đảm nhận thi công các hạng mục Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, các cán bộ, kỹ sư, công nhân các đơn vị trong TCTy CP Sông Hồng đã đoàn kết, phấn đấu thi đua lao động giỏi với năng suất, chất lượng lao động cao; đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo chất lượng công trình; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; sớm hoàn thành tiến độ các hạng mục công trình đơn vị đảm nhiệm thi công, góp phần hoàn thành các hạng mục được giao theo đúng tiến độ đề ra. Qua các đợt thi đua, các đơn vị của TCTy CP Sông Hồng đã khẳng định, quyết tâm của mỗi cán bộ, kỹ sư, CNVCLĐ trong việc thi đua học tập và làm theo tư tưởng của Hồ Chủ tịch, lời dạy của Bác, ngày càng trở nên gần gũi, thân thiết và là khẩu hiệu



Ký kết giao ước thi đua hoàn thành các hạng mục đúng tiến độ trên công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I

hành động không thể thiếu trong hành trang mỗi cán bộ, kỹ sư của TCTy CP Sông Hồng trên công trường Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I.

Phát biểu tại lễ phát động, Tổng Giám đốc Đặng Tiên Phong khẳng định “...Đợt thi đua cao điểm này là dịp để CNVCLĐ TCTy CP Sông Hồng trên công trường Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I tiếp tục khẳng định quyết tâm, năng lực, trí tuệ trong công việc chuyên môn, là cơ hội cho các đơn vị của TCTy CP Sông Hồng thể hiện khả năng sẵn sàng đảm nhiệm các công việc quan trọng mà lãnh đạo TCTy giao phó....”

Chính thức phát động thi đua, Chủ tịch Công đoàn TCTy CP Sông Hồng Kiều Văn Linh nhấn mạnh: “Lãnh đạo TCTy CP Sông Hồng phát động đợt thi đua đặc biệt trong toàn thể CNVCLĐ các đơn vị của TCTy CP Sông Hồng đang làm việc trên công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I. Xác định mục tiêu phấn đấu đảm bảo an toàn, chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ công trình, CNVCLĐ các đơn vị của TCTy CP Sông Hồng quyết tâm thực hiện nội dung và các mốc thi đua cụ thể như sau:

+ Đợt 1 từ nay đến ngày 20/02/2011: Kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Đảng cộng sản

Việt Nam. CBCNVLĐ Cty CP Sông Hồng Thăng Long phần đấu bàn giao khung đỡ Tuabin 1 chậm nhất đến ngày 20/02/2011 với các mức thưởng, phạt nghiêm minh theo chế độ của TCty.

+ Đợt 2 từ ngày 21/02/2011 đến ngày 15/03/2011, tiếp tục thi đua lập thành tích chào mừng các ngày Lễ lớn trong năm. Cán bộ, đoàn viên, CNVLĐ Cty CP Sông Hồng số 6 thi đua đảm bảo tiến độ tiến độ dự án, bàn giao khung đỡ Tuabin 2 chậm nhất vào ngày 15/03/2011.

+ Đợt 3 từ ngày 16/03/2011 đến ngày 30/04/2011, kỷ niệm 36 năm ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Cty XL-VLXD An Dương, Cty CP Sông Hồng Thăng Long phần đấu bàn giao bao che Tuabin boongke khu vực 1 và khu vực 2.

+ Đợt 4 từ ngày 01/05/2011 đến ngày 30/06/2011, chào mừng ngày Quốc tế lao động 1/5, Chi nhánh TCty tại TP Hồ Chí Minh tập

trung hoàn thành phần kết cấu thép và lắp dựng hoàn thành toàn bộ Nhà điều khiển trung tâm, Nhà Tuabin và Nhà Boongke. ”

Đại diện các đơn vị trên công trường, ông Đặng Sỹ Luân - Giám đốc Công ty XL-VLXD An Dương hứa “...Nguyễn đem tinh thần, trí tuệ, đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, khắc phục khó khăn phần đấu vươn lên hoàn thành suất sắc mọi nhiệm vụ được giao, ra sức thi đua lao động với năng suất, chất lượng lao động cao nhất sớm hoàn thành tiến độ các hạng mục công trình, góp phần đưa việc xây dựng Nhà máy đúng tiến độ...”.

Sau khi phát biểu hưởng ứng, các đại biểu đã chứng kiến lễ ký giao ước thi đua của đại diện Ban điều hành dự án và các đơn vị trực tiếp thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I của TCty CP Sông Hồng.

(Tin từ TCty Cổ phần Sông Hồng)

Hội nghị tổng kết năm 2010, triển khai nhiệm vụ 2011 của Tổng Công ty Cổ phần VINACONEX

Sáng ngày 22/1/2011, TCty Cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đã tổ chức Hội nghị Tổng kết năm 2010 - Triển khai nhiệm vụ năm 2011. Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã đến dự và phát biểu với Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đầy đủ các cán bộ trong thường vụ Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, ban Kiểm soát, Giám đốc, phó giám đốc các Ban chức năng TCty, lãnh đạo các đơn vị thành viên của TCty.

Hội nghị đã nghe Tổng Giám đốc Nguyễn Thành Phương trình bày báo cáo Tổng kết năm 2010 - Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2011, trong đó nêu rõ, năm 2010 mặc dù gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, tập thể lãnh đạo CBCNV toàn TCty CP Vinaconex đã đồng lòng vượt qua khó khăn và đạt được những kết quả đáng phấn khởi và



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị

tự hào với việc hoàn thành về cơ bản các chỉ tiêu kinh tế xã hội của năm 2010, cụ thể:

- Tổng giá trị sản lượng toàn TCty ước đạt 28.731,9 tỷ đồng, bằng 131,1% so với thực hiện năm 2009;

- Tổng doanh thu ước đạt 22.694,2 tỷ đồng, bằng 119,0% so với thực hiện năm 2009;



Tổng Giám đốc TCty CP Vinaconex Nguyễn Thành Phương trình bày Báo cáo tổng kết năm 2010 tại Hội nghị

- Lợi nhuận trước thuế ước đạt 918,8 tỷ đồng
- Nộp NSNN ước đạt 954,4 tỷ đồng, bằng 114,3% so với thực hiện năm 2009;
- Thu nhập bình quân ước đạt 4,347 triệu đồng/người/tháng, bằng 123,5% so với thực hiện năm 2009.

Riêng Công ty mẹ thực hiện doanh thu ước đạt 6.245,9 tỷ đồng, bằng 101,0% so với kế hoạch năm và bằng 111,1% so với thực hiện năm 2009; lợi nhuận ước đạt 597,3 tỷ đồng, bằng 106,0% so với kế hoạch được Đại hội cổ đông phê duyệt và bằng 107,5% so với thực hiện năm 2009. Với những thành tích đã đạt được TCT đã vinh dự được Chính phủ trao tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2010. Báo cáo cũng chỉ rõ năm 2010 tập thể lãnh đạo CBCNV Tổng Công ty đã tập trung các nguồn lực để thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ các công trình trọng điểm quốc gia, chào mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội như: Bảo tàng Hà Nội, Đại lộ Thăng Long, Khu luyện tập vận động viên cao cấp – Mỹ Đình, Dự án thủy lợi thủy điện Cửa Đạt, Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua srah ... Báo cáo đã tập trung làm rõ những mặt đã làm được của Tổng công ty trong năm qua trên các mặt công tác như xây lắp, đầu tư phát triển bất động sản, lĩnh vực tài chính và tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh...v.v đồng thời cũng nghiêm khắc chỉ ra những vấn đề còn tồn tại như khiếm khuyết trong kiểm



Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao Huân chương Lao động cho các tập thể & cá nhân của TCty Vinaconex

soát hệ thống của Tổng Công ty, công tác làm hồ sơ nghiệm thu và thanh toán với chủ đầu tư; công tác đối chiếu công nợ, quản lý tạm ứng cho các đội thi công, công tác tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ.

Trên cơ sở đánh giá nghiêm túc những mặt đã làm được và những yếu kém khuyết điểm, Hội nghị đã xác định mục tiêu và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2011 và các nhiệm vụ trọng tâm phải thực hiện để đạt được mục tiêu và các chỉ tiêu đặt ra cho năm 2011.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng đã chúc mừng thành công của TCty Vinaconex trong năm 2010, đồng thời đánh giá cao vai trò và năng lực của Vinaconex trong việc đảm nhận và hoàn thành các công trình trọng điểm quốc gia, đặc biệt là các công trình chào mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng đánh giá cao những thành tích đã đạt được của TCty Vinaconex trong việc phát triển các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp đã và đang triển khai thành công tại nhiều địa phương trong cả nước.

Tại Hội nghị, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng trao Huân chương Lao động cho các tập thể & cá nhân của TCty.

Minh Tuấn

Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ năm 2011

Ngày 24/1/2010, Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam (VNCC), Tổ hợp VC-Group đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ năm 2011. Đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên TƯ Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự.

Tham dự Hội nghị có KTS. Trần Ngọc Chính - nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ nhiệm Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo Quy hoạch vùng Thủ đô; đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng; lãnh đạo Hội đồng thành viên và Ban giám đốc TCty, lãnh đạo HĐQT và ban giám đốc các đơn vị thành viên của Tổ hợp.

Theo Báo cáo do Tổng Giám đốc VNCC Đặng Kim Khôi trình bày tại Hội nghị, năm 2010 là năm có ý nghĩa to lớn và quan trọng đối với TCty, đây là năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, tổng kết đánh giá hoạt động của VC Group theo mô hình Cty Mẹ - Cty Con. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 là cơ sở đặt nền tảng cho việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, năm đầu của Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và Chiến lược phát triển 10 năm 2011 - 2020.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn như chỉ số giá năm 2010 tăng hơn so với năm 2009 gây ảnh hưởng tới tiến độ của một dự án đầu tư xây dựng; sự cạnh tranh gay gắt từ phía các cty tư vấn 100% vốn nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam và các công ty tư vấn mới thành lập trong nước; năng lực thiết kế các công trình có kỹ thuật phức tạp của tư vấn trong nước còn hạn chế và tư vấn trong nước còn thiếu các chuyên gia đầu ngành cũng như lực lượng chủ nhiệm dự án nắm bắt thành thạo thông lệ quốc tế trong lĩnh vực tư vấn xây dựng; giá cả thị trường tăng cao và chính sách tiền lương mới đã áp dụng làm cho chi phí sản xuất tăng theo,

tuy nhiên với nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV, nhìn chung cả Tổ hợp đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Một số chỉ tiêu đã đạt được như sau: Tổng giá trị sản xuất: 1.433,3 tỷ đồng bằng 106,9% kế hoạch năm và 116% so với năm 2009 trong đó giá trị tư vấn chiếm 90%, giá trị xây lắp 91,6% và các dịch vụ khác 4%; tổng doanh thu: 1.136,8 tỷ đồng bằng 106,8% kế hoạch năm và 118% so với năm 2009; lợi nhuận: 74,9 tỷ đồng bằng 111% so với năm 2009; nộp ngân sách: 100,5 tỷ đồng bằng 117% so với năm 2009; tỷ suất lợi nhuận/vốn đạt 28,8%.

Những kết quả thực hiện kế hoạch năm 2010 của VC Group cho thấy mặc dù tình hình kinh tế và thị trường trong nước chưa thuận lợi nhưng với sự nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV, nhìn chung cả Tổ hợp tư vấn xây dựng Việt Nam đã thực hiện tốt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra 7%, so với năm 2009 giá trị sản xuất vượt 16% và doanh thu vượt 18%; tỷ trọng công tác tư vấn chiếm 90% tổng giá trị thực hiện. Đời sống người lao động trong VC Group ngày càng được cải thiện, thu nhập bình quân năm 2010 tăng 15% so với năm 2009.

Các sản phẩm sản xuất kinh doanh được chuyên sâu về các lĩnh vực tư vấn như: Dân dụng, công nghiệp, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật cùng các dịch vụ khoa học kỹ thuật khác. Các công ty thành viên đã dần định hướng và phát triển theo thế mạnh vốn có và ngày càng chuyên sâu hơn. Đây là cơ sở để hình thành một tập đoàn tư vấn xây dựng mà trong đó các thành viên là các cty chuyên sâu hoặc hoạt động ở các vùng lãnh thổ khác nhau. Sự phối hợp trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và đào tạo ngày càng được rõ nét. Tính trách nhiệm, chủ động và linh hoạt của các Cty

thành viên ngày một được nâng cao, nhất là vấn đề tự chủ và hiệu quả. Xu hướng ký được hợp đồng hợp tác với tư vấn nước ngoài và các hợp đồng có sản lượng lớn đã được gia tăng.

Công tác tài chính, kế toán của các đơn vị đều được các đơn vị quan tâm, chú trọng. Các đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ kế toán tài chính theo quy định. Việc kê khai, quyết toán thuế thu nhập và nộp nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đầy đủ, kịp thời.

Kết thúc năm tài chính, hầu hết các đơn vị đều chủ động làm việc với cơ quan thuế để thực hiện kiểm tra quyết toán thuế, từ đó rút kinh nghiệm trong công tác quản lý cũng như tránh những chệnh lệch có thể xảy ra sau kiểm tra, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Để hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, VC Group sẽ tập trung thực hiện các giải pháp về hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao năng lực, tăng cường nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực, mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh công tác khoa học công nghệ, xây dựng văn hoá doanh nghiệp và tranh thủ sự hỗ trợ.

Phát biểu với Hội nghị, Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng đã chúc mừng và biểu dương những thành tích mà Tổ hợp VC Group đã đạt được trong nhiều năm qua, nhất là năm 2010. VC Group hoạt động trong cơ chế cạnh tranh quyết

liệt, nhưng đã không ngừng vươn lên nắm bắt những kinh nghiệm tiên tiến của thế giới để áp dụng vào điều kiện Việt Nam, đến nay vẫn giữ vững được uy tín và thương hiệu của một đơn vị tư vấn đầu ngành ở nước ta. Tổ hợp tư vấn xây dựng Việt Nam ngày càng khẳng định được vị trí và chỗ đứng vững chắc trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt.

Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao các mục tiêu cùng với các giải pháp mà Tổ hợp đã đề ra để đạt được mục tiêu phát triển thực sự, có thương hiệu và sức cạnh tranh trong những năm tới, đồng thời đề nghị Tổ hợp quan tâm tập trung vào cấu trúc lại sản phẩm theo hướng chọn các sản phẩm có giá trị, hiệu quả và phù hợp, xây dựng văn hoá và thương hiệu VC Group, tăng cường nguồn lực vốn, thiết bị và nhân lực trong đó nhân lực là yếu tố then chốt; tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý trong đó lao động là một yếu tố quan trọng.

Phát huy thành tích đã đạt được, tập thể CBCNV Tổ hợp VC Group quyết tâm phấn đấu vượt mọi khó khăn, thách thức hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra xứng đáng với vị trí là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực tư vấn xây dựng Việt Nam.

Huỳnh Phước

VIGLACERA TOWER - Tòa nhà xanh thông minh

Theo Hội đồng Nhà Xanh của Mỹ, tòa nhà xanh là “những nơi sống và làm việc khỏe mạnh, có trách nhiệm với môi trường, và sinh lợi”. Bộ Năng lượng Mỹ cho biết những căn nhà thông thường tiêu thụ đến 40% tổng năng lượng của thế giới. Vì thế, khi tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt và ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái càng được nâng cao, việc xây dựng những tòa nhà xanh là xu hướng mới của thế giới và Việt Nam.

Khu nhà ở cao cấp Viglacera Tower nằm trong “Dự án tổ hợp Văn phòng thương mại,

khách sạn và nhà ở Viglacera”. Dự án có tổng diện tích khoảng 40.000m² với 2 tòa văn phòng, 1 tòa khách sạn và 2 Khu nhà ở cao cấp, đây sẽ là một điểm nhấn nổi bật trong tổng thể quy hoạch kiến trúc cảnh quan khu vực chung quanh Trung tâm Hội nghị quốc gia.

Khu nhà ở cao cấp Viglacera Tower gồm tòa nhà A và B cao 40 tầng. Từ tầng 1 - 3 là khu dịch vụ thương mại và tiện ích chung, từ tầng 4 đến tầng 39 bao gồm hơn 1000 căn hộ diện tích từ 87 - 175m², và 23 penhouse có diện tích từ 96-336m² đặt tại tầng 40 của tòa nhà. Đặc biệt,

3 tầng hầm của tòa nhà sức chứa khoảng 1200 ô tô, mỗi căn hộ được sở hữu 1 chỗ để xe riêng.

Nét độc đáo của Khu nhà ở cao cấp Viglacera Tower chính là việc chú trọng đưa thiên nhiên vào trong ngôi nhà. Ý tưởng thiết kế “Tòa nhà xanh” là lý tưởng chủ đạo trong sáng tạo kiến trúc của công trình.

Mỗi căn hộ đều có một mảnh vườn nhỏ kết hợp với lôgia, đủ điều kiện để tạo ra một mảnh sân vườn nhỏ có cây, có lá, có hoa, có non bộ và suối rác rách. Bên cạnh đó, kiến trúc không gian công cộng chính là điểm khác biệt nổi bật của dự án. “Vườn treo” là một ý tưởng trong việc tổ chức không gian xanh trong khoảng không gian công cộng mà ít có tòa nhà ở cao ốc nào ở Hà Nội có được. Mỗi tầng ở, sảnh tầng đều được chiếu sáng trực tiếp qua một không gian sân vườn làm nơi nghỉ ngơi, thư giãn, trao đổi, ngắm cảnh ngoài không gian căn hộ của mình nhằm tạo sự thoải mái cao nhất trước khi trở về căn hộ.

Theo thiết kế, sảnh được bố trí khang trang với tầm vóc tương đương sảnh khách sạn 5 sao, có thể tổ chức dạ hội, sinh hoạt cộng đồng hay tổ chức triển lãm truyền thông. Tòa nhà A, 2 bên sảnh chính còn có khoảng sân cảnh dưới mái che, là nơi vui chơi cho trẻ em. Tòa nhà còn được bố trí bể bơi ngoài trời và trong nhà kết hợp với hệ thống quầy bar giải khát là nơi thư giãn tuyệt vời cho mọi tầng lớp dân cư khu ở trong mọi điều kiện thời tiết.

Các căn hộ sử dụng giải pháp căn hộ thông minh gồm 1 hệ thống điều khiển tích hợp cả 3 hệ thống: chiếu sáng, điều hòa không khí và điều khiển từ xa. Khi người sử dụng ra khỏi nhà chỉ cần bấm một nút “Goodbye” trên bộ điều khiển là lập tức các đèn chiếu sáng được tắt hết, hệ thống điều hòa giảm dần và tắt hẳn, hệ thống kiểm soát ra vào được kích hoạt và khoá toàn bộ các cửa ra/vào lại. Nếu ngôi nhà có đột nhập, hệ thống chuông báo động sẽ được kích hoạt và hệ thống đèn bật sáng đồng thời tự động gửi tin nhắn tới cho người sử dụng. Người sử dụng lúc này có thể truy cập từ xa vào ngôi



Phối cảnh tổ hợp công trình

nhà của mình, quan sát các vị trí trong ngôi nhà bằng các camera an ninh đã lắp đặt sẵn và nếu thấy cần thiết có thể chủ động gọi hỗ trợ. Các camera an ninh được thiết lập chế độ ghi hình sẽ lưu lại những dữ kiện phục vụ cho người sử dụng khi cần thiết.

Ngoài ra, công tác phòng cháy chữa cháy, giám sát an ninh, hệ thống điện thoại nội bộ, hệ thống truyền thanh công cộng, hệ thống door-phone v.v... cũng được đầu tư lắp đặt đồng bộ tạo sự an toàn và thoải mái nhất cho những chủ nhân tương lai của tòa nhà. Căn hộ sẽ được hoàn thiện với những vật liệu và trang thiết bị hiện đại, tiện dụng và thân thiện với môi trường.

Khu nhà ở cao cấp Viglacera Tower sẽ là một tổ hợp kiến trúc góp phần vào bộ mặt của kiến trúc Hà Nội mới, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, thể hiện một đẳng cấp khác biệt cho cư dân của tòa nhà. Dự án đánh dấu năng lực, thương hiệu của Tổng Công ty Viglacera, một trong những TCTy đã để lại dấu ấn đầu tư trong lĩnh vực xây dựng các dự án bất động sản với chất lượng cao: xanh, sạch đẹp, hiện đại và gắn liền với sự thân thiện với môi trường.

(Theo tin từ Công ty Viglacera Land)

Thành phố Kiev sẽ có Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới

Tại cuối năm 2008, Hội đồng thành phố Kiev (Cộng hoà Ucraina) đã quyết định triển khai lập Quy hoạch chung xây dựng mới cho thành phố Kiev. Tháng 11/2009 các kiến trúc sư Đức, Anh và Ucraina khuyến nghị khắc phục sự mất cân đối giữa các phần của thành phố nằm ở hai bên bờ sông Dnepr thông qua việc bố trí trên bờ trái nhiều hơn các nhà văn phòng và công trình văn hoá. Sau đó Trung tâm Xây dựng đô thị và kiến trúc Kiev đã tổ chức lấy ý kiến công luận đối với dự thảo các Quan điểm lập Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Kiev đến năm 2025 và cho giai đoạn 5 năm tới.

Một trong các nội dung của tài liệu này là việc giữ nguyên hiện trạng ranh giới của thành phố thông qua việc đưa ra khỏi thành phố hàng loạt doanh nghiệp công nghiệp. Trước hết đó là các nhà máy không hiện đại hoá sản xuất và gây ô nhiễm môi trường. Sau khi giải phóng mặt bằng, đất xây dựng các nhà máy trên sẽ được sử dụng cho việc xây dựng nhà ở. Theo Quy hoạch chung mới, tổng diện tích xây dựng nhà ở của Kiev vào khoảng 45 triệu m², trong đó khoảng 20 triệu m² được xây dựng tại các khu vực đất còn trống, 7 - 8 triệu m² được xây dựng trên đất của các công trình công nghiệp đã được di dời sang đất của tỉnh Kiev và 17 - 18 triệu m² - thông qua việc cải tạo các ô phố xây dựng nhà ở lắp ghép 5 tầng. Quy hoạch chung sẽ đáp ứng được các chỉ tiêu thực tế của sự phát triển đô thị và có tính đến dự báo số dân sẽ là 3,4 triệu người thay vì 2,7 triệu như một vài số liệu thống kê nêu ra hiện nay.

Mỗi ô phố sẽ có văn bản hướng dẫn được ban hành nhằm xác định rõ chiều cao của nhà xây dựng tại ô phố, mật độ xây dựng và công năng của các công trình. Văn bản hướng dẫn được ban hành ngay trong năm 2010 đối với khu vực trung tâm, còn đối với cả thành phố thì

sẽ ban hành vào năm 2011. Việc làm này sẽ ảnh hưởng tích cực lên môi trường đầu tư, nó xác định rõ các quy tắc cho sân chơi của các nhà đầu tư. Trong tương lai việc đấu giá đất sẽ được thực hiện kèm theo cả các công trình có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật nhất định. Các nhà đầu tư sẽ được mời dự đấu giá không chỉ với đất mà cả quy mô xây dựng được phép trên đất với số lượng diện tích xác định và các công năng cụ thể.

Quy hoạch chung đề xuất hạn chế xây dựng nhà văn phòng tại khu vực trung tâm. Hiện tại, nhà văn phòng được bố trí chủ yếu trên bờ phải của sông Dnepr và việc xây dựng đang được tiếp tục triển khai do thành phố đang gặp phải vấn đề giao thông nảy sinh từ sự di chuyển qua lại của cư dân diễn ra hàng ngày giữa các khu vực nằm ở hai bên bờ sông. Việc xây dựng nhà văn phòng tại khu vực bờ trái của sông Dnepr góp phần tạo thêm nhiều việc làm mới cho cư dân sống tại khu vực đó và giúp họ tránh phải hàng ngày đi sang bờ phải. Những người lập Quy hoạch chung cho rằng việc xây dựng nhà văn phòng tại khu vực bờ trái cần phải được đẩy mạnh góp phần hình thành các trung tâm thương mại lớn tại khu vực chợ "Troeshina", dọc các đường phố Elektrotekhnicheskyyi, Bazan, cạnh ga tàu điện ngầm "Lesnaya", ven hồ Vurlits. Tại khu vực bờ trái, các khu vực trước đây là khu công nghiệp như Korchevatoye và Nzhnaya Telichka, bán đảo Rubalskyi thích hợp cho việc phát triển bất động sản văn phòng.

Đồ án Quy hoạch chung đề xuất đến năm 2015 sẽ hoàn thành xây dựng hệ thống đường sắt đô thị vành đai chạy điện vòng quanh thành phố. Hiện nay loại đường sắt đô thị này mới được sử dụng để nối các phố Petrovka và Treshina; xây dựng thêm 2 cây cầu vượt sông Dnepr và cải tạo các ô phố xây dựng nhà lắp

ghép 5 tầng. Trước thời hạn trên thành phố hy vọng sẽ hoàn thành việc xây dựng các ga tàu điện ngầm "Demeevskaya", "Goloseevskaya", "Vasilkovskaya" mà đã hoàn thành đến 90% nhưng chưa hoàn thành do thiếu kinh phí. Để hoàn thành khối lượng công việc nêu trên cần thêm 600 triệu Griven (tiền Ucraina). Trong 5 năm tới sẽ khởi công xây dựng đường tàu điện ngầm nối với phố "Treshina". Tuy nhiên, trong 10 năm qua mới có tổng cộng 8 km đường tàu điện ngầm được hoàn thành cho thấy việc xây dựng đường tàu điện ngầm mới nói trên không dễ hoàn thành trong thời gian tới. Thay vào đó đường tàu điện nhanh đang trong giai đoạn cải tạo sẽ được xây dựng kéo dài đến tận ga tàu điện ngầm "Universitet" và hoàn thành trong 5 năm tới, góp phần giảm tải cho ga tàu điện ngầm "Vokzalnaya".

Quy hoạch giao thông dự định trong 5 năm tới sẽ hoàn thành xây dựng thêm 2 cây cầu ở thủ đô Kiev là cầu Darnitskyi và cầu Podolsko-Voskresenskye. Ngoài ra các kiến trúc sư còn dự tính xây dựng các nút giao thông nhiều tầng tại các quảng trường Pochtovoi và Leningrad, trên đường Kharkov và cạnh ga tàu điện ngầm "Dnepr" và hoàn thành xây dựng quảng trường Matxcova. Đường cáp treo đi dọc theo dốc núi Dneprovskyi sẽ hoàn thành không sớm hơn năm 2017. Các kiến trúc sư sẽ hạn chế đáng kể các phương tiện giao thông đi vào khu vực trung tâm thành phố. Vì vậy, họ đề nghị xây dựng các chỗ gửi xe trên các tuyến đường dẫn vào trung tâm và tại các điểm trung chuyển phương tiện giao thông giúp cư dân Kiev dễ dàng chuyển từ phương tiện giao thông cá nhân của họ sang sử dụng các phương tiện giao thông công cộng. Việc gửi xe tại trung tâm không bị cấm nhưng với lệ phí đặc biệt cao trong khi đó gửi xe tại các điểm gửi xe nói trên lệ phí sẽ thấp hơn rất nhiều.

Theo dự thảo Quan điểm lập Quy hoạch chung, trong 5 năm tới, tại Kiev sẽ xây dựng thêm 10 triệu m² nhà ở, sau đó thêm 35 triệu

m² nữa. Điều đó có nghĩa là mỗi năm xây dựng 2,5 triệu m². Để so sánh, vào giai đoạn trước khủng hoảng kinh tế năm 2007 - 2008 mỗi năm chỉ xây dựng được 1,4 triệu m². Các nhà ở mới được xây dựng cả ở phía Bắc, ở khu vực trung tâm và tại các khu đô thị mới. Thêm vào đó các kiến trúc sư dự định sẽ giải quyết xong một phần vấn đề nhà ở lắp ghép 5 tầng trước năm 2015, theo đó một số sẽ được phá dỡ, một số được cải tạo thông qua bổ sung cách nhiệt và thay cửa sổ.

Các chuyên gia tỏ ra thận trọng khi đánh giá dự án này. Phó Chủ tịch Hội Kiến trúc sư quốc gia của thành phố Kiev cho rằng mặc dù nội dung của dự án là đúng đắn tuy nhiên còn mang nặng tính thông tin nhiều hơn, ví dụ quy hoạch phát triển nhà ở chưa sát thực tế và rằng tại các khu vực dự định xây dựng nhà ở nêu trong dự thảo trên thực tế không đủ đất cho xây dựng. Quy hoạch chung xây dựng hạ tầng giao thông hiện đang có hiệu lực trên thực tế chỉ hoàn thành được 6 - 7% nội dung đã đề ra. Do đó, dự thảo Quan điểm lập Quy hoạch chung xây dựng thành phố sẽ cần phải được điều chỉnh.

Việc lấy ý kiến công luận được thực hiện vào tháng 4/2010. Tổng chi phí lập đồ án Quy hoạch chung là 23 triệu Griven, trong đó chi phí soạn thảo quan điểm lập Quy hoạch chung là 16 triệu.

Trong thời gian lấy ý kiến công luận đã thu thập được 290 ý kiến, trong đó 197 ý kiến đã được tiếp thu hoàn toàn, kiến nghị cần xác định rõ vai trò và giá trị của thành phố trong không gian Đông Âu và Ucraina; nhiệm vụ và nguyên tắc phát triển Kiev; quy mô phát triển dài hạn trong tương lai của quần thể đô thị Kiev. Các ý kiến đóng góp đã đặc biệt lưu ý sự cần thiết phải phát triển trước một bước đối với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng giao thông, mạng lưới đường phố của Kiev. 29 ý kiến đã được tiếp thu để sử dụng cho giai đoạn lập Quy hoạch chung, kiến nghị khi triển khai thực hiện Quy hoạch

chung cần có các biện pháp trước tiên và cấp bách phát triển thành phố, góp ý cho việc xác định cụ thể hơn vị trí các công trình văn hoá, thể thao, giao thông và hạ tầng kỹ thuật. 17 ý kiến khác được tiếp thu một phần và sẽ được sử dụng cho việc lập Quy hoạch chung trong đó kiến nghị việc bố trí cụ thể một số công trình

văn hoá, thể thao, xác định cụ thể hơn vị trí và các chỉ tiêu xây dựng đối với mạng lưới đường phố và hạ tầng kỹ thuật.

Georgyi Danilyuk

Theo Báo Xây dựng Nga, số 19/2010

Dịch và biên tập: Huỳnh Phước

Chính sách hỗ trợ nông dân bị mất đất - giải pháp giúp người nông dân thoát khỏi đói nghèo

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế đô thị, nhu cầu về đất ở ngày một tăng, tình trạng nông dân mất đất cũng vì thế mà tăng cao, đây là một vấn đề có ảnh hưởng rất lớn tới sự ổn định xã hội, phát triển kinh tế, xây dựng đô thị và cần phải nhanh chóng được giải quyết.

Từ năm 2000 đến nay là giai đoạn nền kinh tế Trung Quốc phát triển khá nhanh. Thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng về nhanh chóng thực hiện chiến lược đô thị hoá, quy hoạch vùng ngoại ô tiếp giáp với đô thị để phục vụ cho công tác mở rộng đô thị dẫn tới phải trưng dụng đất nông thôn và chuyển đổi thành đất xây dựng đô thị. Việc làm này có ý nghĩa rất lớn trong việc điều chỉnh lại kết cấu, đổi mới phát triển, tối ưu hoá việc phân bổ nguồn tài nguyên và thúc đẩy nền kinh tế của đô thị phát triển. Nên nếu người dân cứ bám trụ trên những mảnh đất này sinh sống, thì họ sẽ dần rơi vào cảnh bị mất đất và cuộc sống của họ sẽ đi về đâu? làm sao để hướng dẫn họ hoà nhập với cuộc sống, xây dựng và an cư lập nghiệp tại đô thị, đóng góp cho sự phát triển kinh tế đô thị?

1. Những mơ hồ còn tồn tại trong suy nghĩ của người nông dân bị mất đất

Đô thị muốn mở rộng, kinh tế muốn phát triển, đất đai sẽ đóng vai trò quyết định tất cả. Mà đất đai lại không thể tái tạo được, nên phải trưng dụng đất của nông dân, nhưng để trưng dụng đất chắc chắn sẽ làm ảnh hưởng tới lợi ích của họ, khiến cho các thế hệ nông dân mưu sinh nhờ vào đất mất đi chỗ dựa, lúc này người

dân sẽ rơi vào cảnh thất nghiệp, vô gia cư và phải đi các nơi để kiếm sống, đây cũng là vấn đề cấp bách đang cần các cấp chính quyền nhanh chóng giải quyết. Như vậy người nông dân bị mất đất còn có những mơ hồ gì?

(1). Tư tưởng mơ hồ

Có những nông dân sau khi bị mất đi mảnh đất họ từng sinh sống và sản xuất, họ không biết xoay sở cuộc sống ra sao. Nếu còn đất họ sẽ làm nông nghiệp trên mảnh đất của mình và cứ như vậy sống cho đến già, nhưng khi đất mất rồi, ngoài việc đồng áng họ không biết thêm một nghề nào khác, trong cuộc sống dần xuất hiện một loạt các khó khăn, khiến tư tưởng của họ luôn trong trạng thái mơ hồ, không tìm ra được lối thoát cho cuộc sống về sau.

(2). Không biết sử dụng tiền

Theo quy định của nhà nước, khi trưng dụng đất đai, bên trưng dụng sẽ phải bồi thường cho chủ sử dụng đất một khoản tiền tương ứng với mảnh đất họ đã thu. Rất nhiều người dân cả đời mới được cầm trong tay hàng chục nghìn thậm chí là hàng trăm nghìn NDT tiền bồi thường đất. Nhưng do họ không biết cách sử dụng khoản tiền này cho hợp lý, lúc nào cũng lo sợ bị mất, bị lừa, nên đã khiến cho cuộc sống của họ không khác nào rơi xuống vực thẳm, trong thời gian này họ không biết làm thế nào, cũng không có người hướng dẫn, giúp đỡ.

(3). Dùng hết tiền bồi thường đất

Có những người nông dân sau khi mất đất nhận được khoản tiền bồi thường, họ vui mừng

khôn xiết, tiêu tiền không có kế hoạch cụ thể, chỉ biết hưởng thụ cuộc sống, số tiền bồi thường chẳng mấy chốc đã tiêu hết, khi đó họ mới nhận ra sự sai lầm của mình, vì sinh tồn họ không ngừng cầu cứu lên các cấp chính quyền. Đứng trước sự việc như vậy bắt buộc chính quyền địa phương phải dùng một lượng lớn ngân sách để giải quyết vấn đề này cho những hộ gia đình rơi vào hoàn cảnh trên.

(4). Không biết đầu tư, mất cả vốn cả lãi

Do một số người có suy nghĩ chủ quan, sau khi cầm tiền bồi thường đất, người thì dùng vào việc mở công ty, người thì buôn bán hoặc cho vay lãi suất cao, mục đích chính của họ là muốn kiếm lời. Nhưng do họ không nắm vững các chính sách, không có đủ kiến thức, không tìm hiểu, nghiên cứu điều tra, phân tích về thị trường kinh doanh, đã vội vàng đầu tư, cho vay nặng lãi, đến thời hạn không đạt được kết quả như mong muốn, thậm chí còn không thu được gốc, đã khiến cho họ khuynh gia bại sản.

(5). Trở thành tội phạm, gây ảnh hưởng tới sự ổn định trật tự xã hội

Đặc biệt là tầng lớp thanh niên, họ đều là những người không có nghề nghiệp, sau khi đã tiêu hết tiền bồi thường, bị lôi kéo tụ tập thành phường hội chuyên đâm thuê chém mướn, hút bán ma túy, dần dần dần sâu vào con đường phạm tội và trở thành mối hiểm họa cho xã hội.

2. Hướng dẫn những người nông dân bị mất đất thoát khỏi cảnh nghèo khổ

Có thể nói kinh tế đô thị càng phát triển, nhu cầu về đất sẽ ngày càng tăng và nông dân bị mất đất cũng ngày càng nhiều. Làm sao để giải quyết được vấn đề này, mà không làm ảnh hưởng tới chất lượng, sự phát triển kinh tế, xây dựng đô thị và sự ổn định của xã hội, đây là việc làm cần thận trọng, không được bất cẩn và coi nhẹ. Sau khi người nông dân bị mất đất, làm sao để hướng dẫn họ giải quyết những khó khăn trong cuộc sống, tác giả bài viết cho rằng cần bắt đầu từ những khía cạnh sau đây:

(1). Giúp người nông dân hiểu rõ chính sách

Trước khi trưng dụng đất, chính quyền cần làm tốt công tác tuyên truyền và giải thích, giúp người dân hiểu ý nghĩa của việc nhanh chóng xây dựng đô thị, phát triển kinh tế, xây dựng một xã hội hài hòa. Ngoài ra, cũng phải giải thích rõ ràng mục đích và chính sách thu hồi đất, các biện pháp tái định cư cho những người nông dân có đất bị trưng thu, điều này không chỉ là nhu cầu trong xây dựng đô thị, mà còn là nhu cầu để thay đổi cơ cấu kinh tế, là cách để làm giàu và cải thiện môi trường sống, như vậy có thể chủ động phối hợp, hội nhập, giảm bớt cản trở, đảm bảo công việc trưng thu được tiến hành thuận lợi.

(2). Tính toán kỹ lưỡng, hiểu rõ lợi ích.

Hiện nay những người nông dân bị mất đất luôn có một quy tắc bất thành văn: “Không cần thắng, chỉ cần hoà”. Câu nói này có nghĩa là làm việc gì cũng phải công bằng, không được bên trọng bên không, đặc biệt là về giá đền bù đất. Khi đưa tiền đền bù đến tận tay người nông dân cần phải có giấy tờ, mỗi một khoản thanh toán đều phải được ghi chép chi tiết, rõ ràng, để mỗi người dân có thể hiểu rõ và thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát của các cấp.

(3). Hướng dẫn đúng đắn và thiết thực

Sau khi đưa tiền đền bù đất tới tay người nông dân, sử dụng khoản tiền ra sao đó là việc của họ, nhưng chính quyền địa phương vẫn cần phải quan tâm và có trách nhiệm tới cuộc sống của họ về sau. Có thể giúp họ lựa chọn theo các phương pháp phúc lợi do chính phủ thực hiện, do khu dân cư tổ chức hay các ban ngành hỗ trợ tạo điều kiện về việc làm, như vậy có thể giúp họ giải quyết những khó khăn trong cuộc sống. Đối với những người có nguyện vọng thành lập tổ chức kinh doanh, chính quyền cần quan tâm hướng dẫn cho họ, cung cấp cho họ những thông tin cần thiết, tư vấn, giới thiệu về kỹ thuật, để khi tiếp xúc với thực tế, họ không bị bỡ ngỡ, có thể tự đối phó trước mọi trở ngại, dần dần từ những người nông dân chân lấm tay bùn họ sẽ trở thành điểm sáng về phát triển kinh tế.

3. Các chính sách hỗ trợ đối với những người nông dân bị mất đất

Đối với những người nông dân sử dụng vốn tự có, tự chủ kinh doanh, tự thành lập công ty, chịu trách nhiệm về lỗ lãi để giải quyết mọi vấn đề khó khăn trong cuộc sống, ít nhiều họ cũng giảm bớt áp lực cho Chính phủ, giúp thúc đẩy xã hội phát triển hài hòa và tiến bộ. Chính phủ và chính quyền các cấp cũng cần phải có các biện pháp hỗ trợ giúp đỡ, như:

(1). Mở rộng việc đăng ký, chuyển đổi hộ khẩu

Đối với những người nông dân sau khi bị mất đất, cần nhanh chóng chuyển đổi hộ khẩu thành phố cho họ, để họ có thể tự do đi lại trong thành phố và thống nhất trong việc quản lý, như vậy sẽ giúp họ nhanh chóng làm quen, hiểu rõ hơn về cuộc sống đô thị và được hưởng các dịch vụ công cộng cơ bản ở thành phố.

(2). Ban hành chính sách

Chính quyền địa phương cần ban hành các quy định về lao động, nhân sự, kinh doanh, thuế, xây dựng, xã hội..., trong phạm vi cho phép của chính sách chung, phá vỡ những thói quen và đổi mới cơ chế. Đối với những người nông dân bị mất đất cần phải được quan tâm, đãi ngộ về mặt phúc lợi, dịch vụ kinh doanh, có các chính sách ưu đãi về vốn, miễn giảm thuế, giảm bớt các thủ tục hành chính, tạo công ăn việc làm cho con cái của họ, giúp đỡ khó khăn về nhà ở... làm sao tạo cho họ có một môi trường sống tốt nhất, hòa nhập với cuộc sống đô thị, giúp họ tự lập phát triển, có nhiều cống hiến cho xã hội.

(3). Thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nhân tài

Bằng nhiều phương thức khác nhau, miễn học phí các lớp học ngành nghề phục vụ cho xây dựng đô thị như: thợ xây, thợ mộc, nhân viên thi công, nhân viên vật liệu, ... cho những nông dân bị mất đất, ngoài ra còn tổ chức các lớp đào tạo nhân viên kỹ thuật, máy tính, sửa

chữa đồ gia dụng... làm sao giúp họ nhanh chóng phát huy khả năng, góp phần xây dựng đô thị, phục vụ nhân dân, có thu nhập ổn định.

(4). Lấy chữ nhân làm gốc

Đối với những người cao tuổi, ốm yếu, bệnh tật, mất khả năng lao động, cần có các biện pháp hỗ trợ, tùy từng trường hợp mà có cách giải quyết hỗ trợ khó khăn; đối với những người già không nơi nương tựa, có thể đưa họ tới những viện dưỡng lão để được chăm sóc miễn phí. Mặc dù sau khi nhận được tiền bồi thường đất, họ làm gì số tiền đó là tùy họ, nhưng vẫn phải đảm bảo cho họ có cuộc sống ấm no, không phải lo toan.

(5). Tăng cường giám sát, thực hiện xử lý đến cùng

Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ cho những người nông dân bị mất đất. Các cơ quan đều phải đảm bảo nông dân bị mất đất được hưởng các chính sách ưu đãi, nếu có hiện tượng xâm hại đến lợi ích của người dân và công việc sẽ bị kiên quyết xử lý. Với những trường hợp nông dân bị mất đất cầu cứu hoặc tố tụng cần nhanh chóng xử lý, phán quyết, giúp họ tháo gỡ.

Tóm lại, thông qua nỗ lực chung của tất cả các bên sẽ hình thành nên một lực lượng lớn mạnh, có thể giải quyết khó khăn cho những người nông dân bị mất đất, hi sinh và cống hiến cho sự phát triển, tăng trưởng kinh tế của đô thị và đất nước. Các chính sách hỗ trợ sẽ giúp họ lập nghiệp, thay đổi tư tưởng cổ hủ, để họ luôn cảm nhận được sự quan tâm của toàn xã hội, hơn nữa còn giúp họ quyết tâm và tự tin thoát khỏi cảnh khó khăn, có cuộc sống vui tươi lành mạnh, gia đình hòa thuận, xã hội phát triển hài hòa và ổn định./.

Bào Vệ Văn

Nguồn: Tạp chí xây dựng Đô thị & Nông thôn Trung Quốc số 11/2011

ND: Bích Ngọc

BỘ XÂY DỰNG TỔ CHỨC TẾT TRỒNG CÂY XUÂN TÂN MÃO 2011

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2011



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát động Tết trồng cây Xuân Tân Mão 2011



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân và các đại biểu chụp ảnh lưu niệm bên gốc cây mới trồng